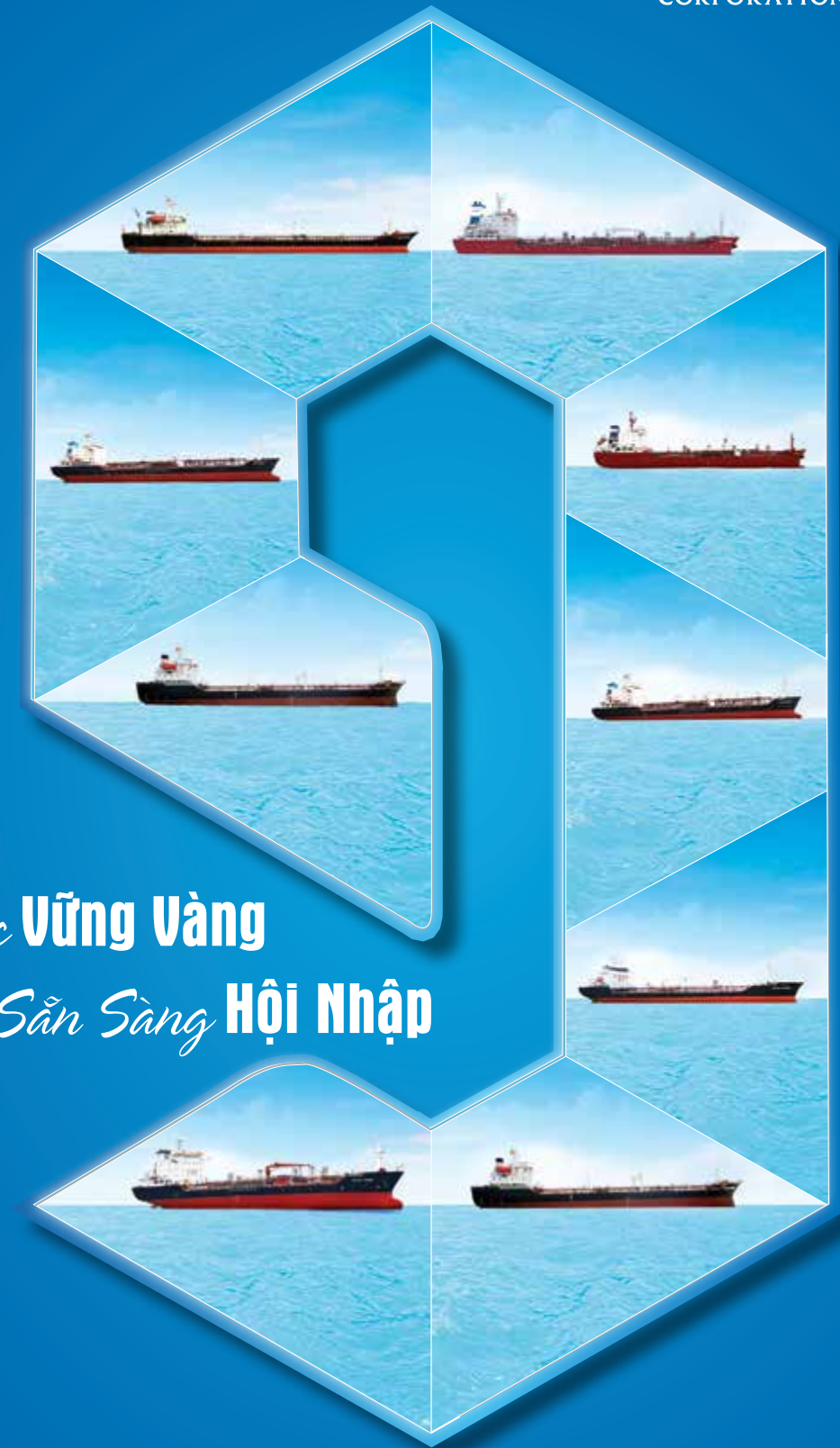




Nội Lực Vàng
Sẵn Sàng Hội Nhập

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN **2016**

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN - ANNUAL REPORT

Năng lượng luôn chuyển động
Energy on the move

Mục lục

Giới Thiệu Công Ty

- 06 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- 08 Thông tin cổ phần và cổ đông
- 10 Giới thiệu Hội đồng Quản trị
- 11 Giới thiệu Ban Kiểm soát
- 12 Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc
- 13 Sơ đồ tổ chức

Tình Hình Hoạt Động kinh doanh

- 16 Báo cáo Ban Tổng Giám đốc
- 20 Báo cáo Ban Kiểm soát
- 22 Báo cáo chất lượng thuyền viên và công tác huấn luyện đào tạo
- 28 Định hướng công ty trong năm 2017

Báo Cáo Tài Chính

- 32 Thông tin chung
- 34 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 36 Bảng cân đối kế toán
- 38 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- 39 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 40 Thuyết minh báo cáo tài chính



Giới thiệu CÔNG TY

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	06
Thông tin Cổ phần và Cổ đông	08
Giới thiệu Hội đồng Quản trị	10
Giới thiệu Ban Kiểm soát	11
Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc	12
Sơ đồ tổ chức	13

Với nguồn nhân lực chuyên nghiệp và hệ thống quản lý hiệu quả, Công ty đang tiếp tục hiện thực hóa chiến lược mở rộng hoạt động kinh doanh để củng cố và nâng cao vị thế của mình ngang tầm khu vực và quốc tế.



TRONG NĂM 2017, CÔNG TY SẼ CỐ GẮNG GIỮ VỮNG THÀNH QUẢ KINH DOANH, MỞ RỘNG ĐẦU TƯ AN TOÀN, BỀN VỮNG, TIẾN GẦN HƠN TỚI MỤC TIÊU ĐƯA CÔNG TY CỔ PHẦN ẦU LẠC TRỞ THÀNH **“MỘT TRONG NHỮNG CÔNG TY TƯ NHÂN HÀNG ĐẦU VIỆT NAM TRONG LĨNH VỰC VẬN TẢI BIỂN”**.



118%
KẾ HOẠCH
LỢI NHUẬN SAU THUẾ

Kính thưa Quý Cổ đông, Quý đối tác, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể cán bộ, nhân viên, thuyền viên Công ty Cổ phần Ầu Lạc.

Năm 2016 là một năm đầy khó khăn và thử thách đối với ngành vận tải biển nói chung và Công ty Cổ phần Ầu Lạc nói riêng. Thị trường thế giới chứng kiến sự suy thoái về lợi nhuận của hàng loạt các tên tuổi lớn trong ngành vận tải biển. Trong bối cảnh khó khăn chung đó, vẫn với định hướng phải phát triển bền vững đội tàu và kinh doanh hiệu quả, toàn thể thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng tập thể cán bộ, nhân viên, thuyền viên Công ty Cổ phần Ầu Lạc đã không ngừng nỗ lực đóng góp công sức để Công ty vững vàng vượt qua thử thách và đạt được kết quả kinh doanh rất đáng khích lệ với mức lợi nhuận sau thuế đạt 108,2 tỷ đồng, tăng 18 % so với kế hoạch Đại hội đồng Cổ đông đề ra, tổng tài sản đạt 178% so với đầu năm.

Trước hết, tôi xin thay mặt Hội đồng Quản trị cảm ơn sự đóng góp quý báu của tất cả cán bộ, nhân viên và thuyền viên trong suốt một năm qua, đã kinh doanh hiệu quả, mang lại lợi nhuận cho Công ty và Cổ đông.

Bên cạnh việc tích cực khai thác vận doanh đội tàu, công ty không những luôn chú trọng đầu tư trẻ hóa và nâng cao chất lượng đội tàu, thông qua việc nhanh chóng mua và khai thác hiệu quả thêm hai tàu Aulac Fortune và Aulac Bella, đóng tại Hàn Quốc để dần thay thế các tàu cũ đóng tại Trung Quốc, mà còn không ngừng hoạch định chiến lược đầu tư dài hạn, tìm kiếm đối tác tiềm năng và uy tín để hợp tác thực hiện các dự án phát triển lâu dài bền vững, tạo tiền đề mở đầu cho giai đoạn phát triển mới của Công ty Ầu Lạc.

Tôi xin chia sẻ thành tựu bước đầu cho chiến lược đầu tư dài hạn của công ty là đã thành công trong việc đàm phán đầu tư thành lập mới một liên doanh xây dựng nhà máy sản xuất xăng dầu với vốn đầu tư của Công ty Ầu Lạc chiếm tỷ lệ 24% và dự án này đang trong giai đoạn tiến khả thi.

Cùng với việc đẩy mạnh phát triển kinh doanh và đầu tư, công ty cũng quan tâm sâu sắc đến chiến lược phát triển nguồn nhân lực. Trong năm 2016, ngoài việc thành lập văn phòng đại diện tại Hải Phòng, Công ty còn tăng cường nhiều giải pháp để đáp ứng nhu cầu tuyển dụng, huấn luyện đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ thuyền viên – nhân viên

Công ty, đưa thuyền viên Ầu Lạc lên tầm tiêu chuẩn quốc tế, xứng đáng với sự mong đợi, kỳ vọng của khách hàng và sự tin tưởng của cổ đông.

Thành quả trong năm 2016 này chắc chắn không thể đạt được nếu không có sự điều hành quyết liệt của Ban Tổng Giám đốc bên cạnh sự lãnh đạo sáng suốt của Hội đồng Quản trị, và đặc biệt là tinh thần làm việc đầy nhiệt huyết của tập thể cán bộ nhân viên, thuyền viên Công ty cùng sự đồng hành, ủng hộ của Quý cổ đông, Quý khách hàng, đối tác trong và ngoài nước.

Mục tiêu trong năm 2017, Công ty sẽ cố gắng giữ vững thành quả kinh doanh, mở rộng đầu tư an toàn, bền vững, tiến gần hơn tới mục tiêu đưa Công ty cổ phần Ầu Lạc trở thành **“Một trong những công ty tư nhân hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực vận tải biển”**.

Hội Đồng Quản Trị chúng tôi, tin tưởng rằng, với nguồn nhân lực chuyên nghiệp và hệ thống quản lý hiệu quả, Công ty CP Ầu Lạc đang và sẽ tiếp tục hiện thực hóa được chiến lược mở rộng hoạt động kinh doanh dài hạn để củng cố và nâng cao vị thế của mình ngang tầm khu vực và quốc tế, giữ vững thương hiệu với chất lượng dịch vụ tốt nhất.

Một lần nữa chúng tôi rất mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ đồng hành, và hỗ trợ của Quý Cổ đông, Quý khách hàng, đối tác trong và ngoài nước cùng sự đóng góp nhiệt tình của toàn thể cán bộ, nhân viên và thuyền viên của Công ty Cổ phần Ầu Lạc.

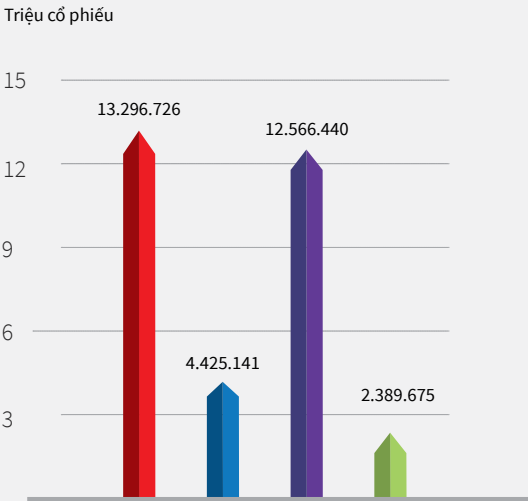
Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin chân thành cảm ơn và kính chúc mọi điều tốt lành đến Quý vị Cổ đông, Quý khách hàng, đối tác và Công ty Cổ phần Ầu Lạc.

NGÔ THU THÚY
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Tính đến ngày 31/12/2016, thông tin về vốn của Công ty như sau:

» Vốn điều lệ của Công ty	:	326.779.820.000 đồng
» Vốn đầu tư của chủ sở hữu	:	326.779.820.000 đồng
» Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	:	30.288.307 cổ phiếu
» Cổ phiếu quỹ	:	2.389.675 cổ phiếu
» Mệnh giá cổ phiếu	:	10.000 đồng/cổ phiếu

326,8
TỶ VNĐ
VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2016



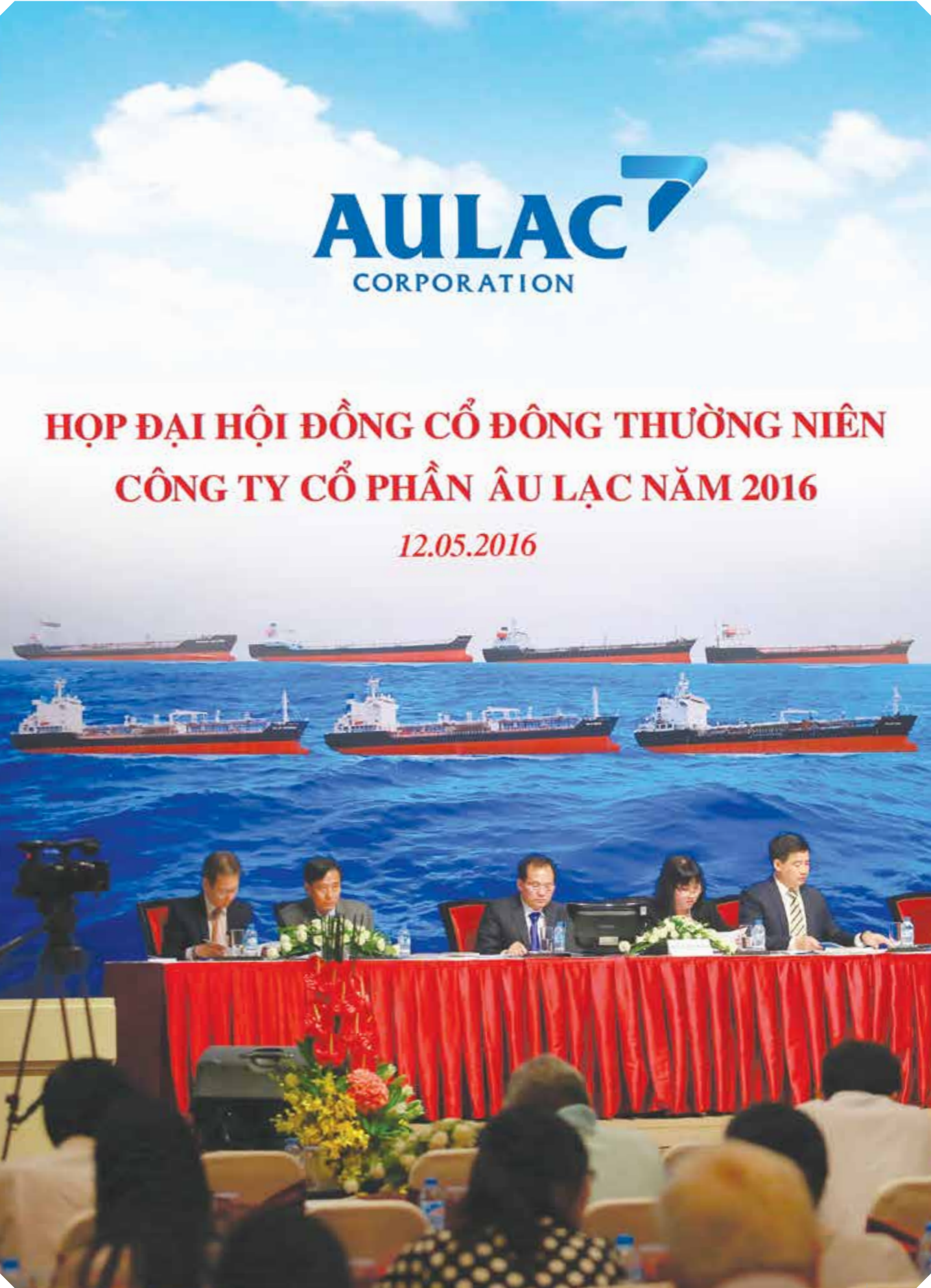
Cơ cấu cổ đông (cổ phiếu)

■ Cá nhân - trong nước	:	13.296.726
■ Tổ chức - trong nước	:	4.425.141
■ Cá nhân, Tổ chức - nước ngoài	:	12.566.440
■ Cổ phiếu quỹ	:	2.389.675



Cơ cấu cổ đông lớn (cổ phiếu)

■ Education Management Holdings Limited	:	12.375.890
■ Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM	:	1.728.610
■ Nguyễn Anh Trinh	:	1.400.010
■ Tổng Công ty Thương Mại Kỹ Thuật và Đầu Tư	:	1.170.530
■ Các cổ đông khác	:	13.613.267
■ Cổ phiếu quỹ	:	2.389.675



Giới thiệu
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2. Ông NGUYỄN ĐỨC HÌNH
Phó Chủ tịch

1. Bà NGÔ THU THÚY
Chủ tịch

4. Ông MAI VĂN TÙNG
Thành viên

3. Ông ĐẶNG VINH SANG
Thành viên

5. Bà TRẦN NGỌC ANH ĐÀO
Thành viên

Giới thiệu
BAN KIỂM SOÁT



BAN KIỂM SOÁT

4. Bà ĐẶNG THỊ HỒNG LOAN
Thành viên

1. Ông HUỖNH ĐỨC TRƯỜNG
Trưởng Ban

2. Ông PHAN VĨNH KHA
Thành viên

3. Bà NGUYỄN ĐÌNH THỦY TIÊN
Thành viên

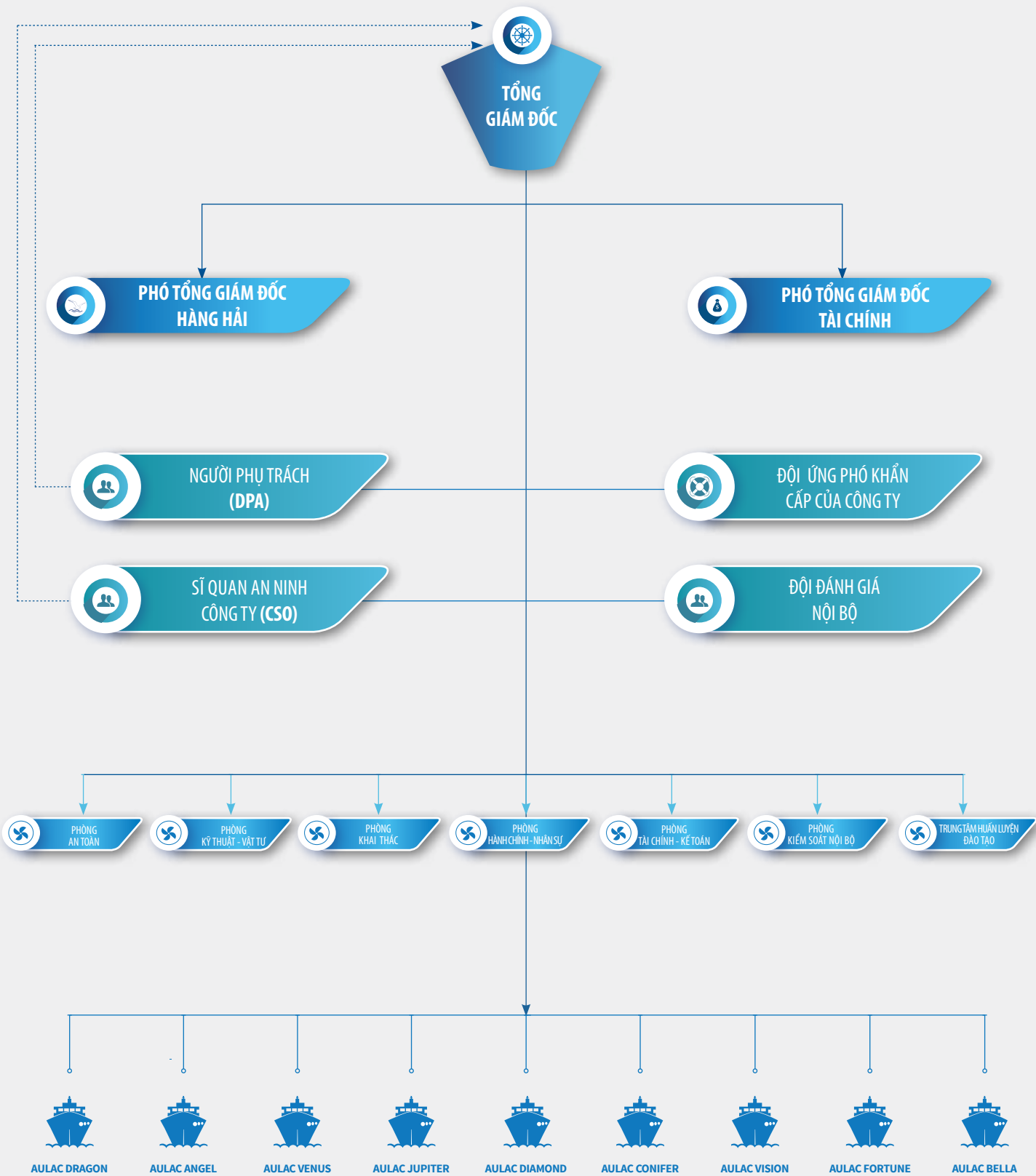


BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

3. Ông **HỒ VĂN THIỆN**
Phó Tổng Giám đốc

1. Ông **MAI VĂN TÙNG**
Tổng Giám đốc

2. Ông **LÊ HỒNG SƠN**
Phó Tổng Giám đốc



2

Với sự nỗ lực đóng góp hết mình của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng tập thể cán bộ, nhân viên, thuyền viên, Công ty đã vững vàng vượt qua thử thách, giữ vững được thành quả rất đáng biểu dương, lợi nhuận sau thuế Công ty đạt 118 % so với kế hoạch.

Tình hình HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	16
Báo cáo của Ban Kiểm soát	20
Báo cáo chất lượng thuyền viên và công tác huấn luyện đào tạo	22
Định hướng Công ty trong năm 2017	28



Ông MAI VĂN TÙNG - Tổng Giám đốc

742,6

TỶ VNĐ

DOANH THU HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VẬN TẢI NĂM 2016

NĂM 2016 LÀ MỘT NĂM ĐẦY KHÓ KHĂN VÀ THỬ THÁCH ĐỐI VỚI NGÀNH VẬN TẢI BIỂN NÓI CHUNG VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC NÓI RIÊNG, ĐỐI MẶT VỚI NHIỀU THÁCH THỨC TRONG NĂM, TOÀN THỂ BAN LÃNH ĐẠO CÙNG NHÂN VIÊN, THUYỀN VIÊN CÔNG TY CÙNG VỮNG BƯỚC, ĐỒNG LÒNG ĐỂ ĐƯA CÔNG TY PHÁT TRIỂN CÁC THÀNH TỰU CÔNG TY ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM NHƯ SAU:



MỞ RỘNG ĐỘI TÀU, TĂNG TRƯỜNG DOANH THU

Với chủ trương trẻ hóa đội tàu, từng bước cơ cấu các tàu Trung Quốc bằng các tàu Hàn Quốc, Nhật Bản chất lượng cao, trong năm 2016 Công ty đã nhanh chóng đầu tư thành công và đưa vào khai thác hai tàu Aulac Fortune và Aulac Bella, nâng tổng số tàu trong đội tàu Âu Lạc lên 9 chiếc. Nhờ vậy doanh thu năm 2016 tiếp tục tăng trưởng, đạt 742,6 tỷ VNĐ, tăng 7 % so với 2015. Tại thời điểm 31/12/2016, tổng tài sản của Công ty tăng lên 2.100 tỷ VNĐ so với cùng kỳ 2015 là 1.191 tỷ VNĐ, đạt 178%.

Hiện nay, Công ty Cổ phần Âu Lạc được đánh giá là một trong những công ty vận tải biển hàng đầu Việt Nam với chất lượng dịch vụ cao, đội ngũ thuyền viên chuyên nghiệp đạt tiêu chuẩn quốc tế, là một đối tác chiến lược, đáng tin cậy và là lựa chọn hàng đầu của các khách hàng trong nước cũng như quốc tế.

TIÊN PHONG TRONG VIỆC LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC DẪN THEO TIÊU CHUẨN CỦA CỘNG ƯỚC QUỐC TẾ

Trong năm qua, Công ty thực hiện lên đà cho 3 tàu trong kế hoạch và là công ty đầu tiên tại Việt Nam tiên phong trong việc lắp đặt hệ thống xử lý nước dẫn (BWTS) theo quy định của Công ước quốc tế về quản lý nước dẫn. Dự kiến trong các năm tiếp theo, đội tàu Âu Lạc sẽ được trang bị hệ thống quản lý nước dẫn trong các kỳ lên đà định kỳ, thực thi đầy đủ các quy định của các công ước quốc tế.

135,8

TỶ VNĐ

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ, ĐẠT 118% KẾ HOẠCH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN GIAO.



TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN

Với các thành tựu nêu trên, lợi nhuận trước thuế Công ty trong năm 2016 đạt 135,8 tỷ đồng, tăng 18 % so với kế hoạch ĐHĐCĐ đề ra. Với những khó khăn, thách thức trong năm 2016, kết quả này thể hiện sự nỗ lực, trách nhiệm, cố gắng hết mình vượt qua khó khăn của toàn Công ty.

**BÊN CẠNH NHỮNG THUẬN LỢI
VẪN CÒN NHỮNG KHÓ KHĂN CỦA
NGÀNH VÀ THÁCH THỨC MỚI
TRONG NĂM 2017:**



**BIẾN ĐỘNG CỦA THỊ TRƯỜNG
XĂNG DẦU**

Thế giới đã chứng kiến sự suy thoái về lợi nhuận của các tên tuổi lớn trong lĩnh vực vận tải xăng dầu bằng đường biển (BCIY) cho thấy thị trường năm 2016 giảm kỷ lục trong 5 năm trở lại. Thị trường xăng dầu vẫn tiếp diễn bất thường, biến động liên tục khiến cho các nhà đầu tư, kinh doanh cũng như những nhà nhập khẩu e ngại trong các giao dịch. Tình hình thị trường khó khăn, tình hình hủy chuyến diễn ra thường xuyên hơn các năm trước gây khó khăn cho Công ty trong việc điều động tàu.

**NGUY CƠ CƯỚP BIỂN TĂNG
CAO TRONG KHU VỰC ĐÔNG
NAM Á**

Theo báo cáo của Trung tâm phòng chống cướp biển IMB, năm 2016 nạn cướp biển vẫn hoành hành trong khu vực với tần suất cao, trong đó có 12 âm mưu tấn công, 7 trường hợp giữ tàu hoặc bắt cóc thuyền viên. Tình hình cướp biển diễn ra ngày càng mạnh mẽ, việc

đảm bảo an toàn tính mạng cho thuyền viên Âu Lạc luôn được Công ty đặt lên hàng đầu, vì vậy, Công ty luôn chủ động trang bị thêm các phương tiện chống cướp hiệu quả, hiện đại, tăng cường cảnh giới, tham gia các tổ chức chống cướp biển quốc tế nhằm đảm bảo an toàn cho thuyền viên, tàu và hàng hóa.

CÁC CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ

Quy định mới của Công ước Lao động hàng hải năm 2006 (MLC) bổ sung quy định mới về đảm bảo an ninh tài chính liên quan đến trách nhiệm của chủ tàu có hiệu lực kể từ ngày 18/01/2017.

Công ước Quốc tế về Quản lý và xử lý nước dẫn (BWM Convention) bắt đầu có hiệu lực kể từ ngày 08/09/2017 yêu cầu các tàu trên 400 DWT phải lắp đặt hệ thống xử lý nước dẫn để đảm bảo điều kiện hoạt động trên vùng biển quốc tế.

Công ty Cổ phần Âu Lạc luôn đảm bảo tuân thủ các Công ước Quốc tế để đảm bảo hiệu quả hoạt động cũng như đảm bảo tính pháp lý của đội tàu khi hoạt động trên hải phận quốc tế. Tuy nhiên việc tuân thủ các Công ước trên sẽ phát

sinh thêm chi phí hoạt động, phần nào gây ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2017.

GIÁ NHIÊN LIỆU TĂNG CAO

Sau 2 năm giảm giá, giá nhiên liệu kể từ cuối năm 2016 đã bắt đầu tăng cao trở lại, theo dự báo của các tổ chức quốc tế, trong năm 2017 giá nhiên liệu dự kiến sẽ tiếp tục tăng so với năm 2016, giá nhiên liệu tăng cao cũng góp phần làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

Với những khó khăn kể trên, nhưng dưới sự chỉ đạo sát sao, chiến lược phát triển đúng đắn của Hội đồng Quản trị và sự điều hành hiệu quả của Ban Tổng Giám đốc, cùng với sự tận tụy, nhiệt tình của toàn bộ cán bộ nhân viên, thuyền viên, Công ty Cổ phần Âu Lạc sẽ vượt qua các khó khăn và tiếp tục thành công trong năm 2017.

THỰC HIỆN CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT THEO LUẬT DOANH NGHIỆP VÀ ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC, BAN KIỂM SOÁT CHÚNG TÔI XIN BÁO CÁO CÔNG TÁC HOẠT ĐỘNG NĂM 2016 NHƯ SAU:



CÁC HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ KIỂM SOÁT NĂM 2016

Trong năm qua, Ban Kiểm soát đã triển khai hoạt động đúng quyền hạn và nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh Nghiệp, điều lệ tổ chức hoạt động của công ty. Ban Kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, tiến hành kiểm tra và kiểm soát các vấn đề quan trọng, cụ thể:

- » Kiểm tra quá trình thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2016.
- » Giám sát hoạt động của HĐQT thông qua các biên bản và nghị quyết của HĐQT.
- » Thực hiện kiểm tra 6 tháng báo cáo tài chính bán niên 2016 của Công ty.
- » Thực hiện kiểm tra báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2016 của Công ty.



Ý KIẾN VÀ NHẬN XÉT CỦA BAN KIỂM SOÁT

- » Công ty Cổ phần Âu Lạc đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính bán niên và thường niên 2016.
- » Hội đồng Quản trị đã có những chỉ đạo, điều hành tích cực và quyết liệt để cố gắng hoàn thành vượt mức kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra.
- » Hoạt động của HĐQT, các chủ trương, nghị quyết HĐQT thực hiện đúng với nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, tuân thủ điều lệ Công ty và các quy định pháp luật liên quan.
- » Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty đã có nhiều cố gắng để hoàn thành vượt

kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 do Đại hội đồng cổ đông đề ra, góp phần đem lại lợi ích cho cổ đông. Ban Kiểm soát đánh giá cao những nỗ lực trên.

- » Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017 CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2017, Ban Kiểm soát sẽ duy trì công tác kiểm soát thường xuyên và định kỳ theo đúng điều lệ của công ty và quy chế hoạt động của ban kiểm soát, cụ thể:

- » Tham dự các cuộc họp với HĐQT theo định kỳ.

- » Kiểm tra và giám sát các hoạt động khác khi có yêu cầu của HĐQT hoặc các cổ đông đủ tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ Công ty.
- » Tiến hành kiểm tra, kiểm soát 2 lần/năm hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết HĐQT.
- » Xem xét, kiểm tra báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2017 và báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Thay mặt Ban Kiểm soát

HUỖNH ĐỨC TRƯỜNG
Trưởng Ban Kiểm soát

NHÂN TỐ

Con Người

LÀ CHÌA KHÓA CỦA THÀNH CÔNG



283
THUYỀN VIÊN

TRUNG TÂM HUẤN LUYỆN ĐÀO TẠO CỦA CÔNG TY CŨNG TĂNG CƯỜNG HUẤN LUYỆN ĐÀO TẠO NHẪM NÂNG CAO KIẾN THỨC CHUYÊN MÔN, KỸ NĂNG, NĂNG LỰC QUẢN TRỊ CHO CÁN BỘ, NHÂN VIÊN VÀ THUYỀN VIÊN.



33
KHÓA ĐÀO TẠO
TRONG NĂM 2016



20
SỸ QUAN - THUYỀN VIÊN
ĐƯỢC NÂNG CẤP CHỨC DANH NĂM 2016



”

NGUỒN NHÂN LỰC LÀ TÀI SẢN QUÝ GIÁ NHẤT CỦA ÂU LẠC. CÔNG TY LUÔN QUAN TÂM XÂY DỰNG, ĐÀO TẠO ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ THUYỀN VIÊN CHUYÊN NGHIỆP ĐỂ ĐƯA ÂU LẠC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG.



62 NHÂN VIÊN VĂN PHÒNG



227 TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG

345 NHÂN VIÊN



Báo cáo chất lượng thuyền viên
VÀ CÔNG TÁC HUẤN LUYỆN ĐÀO TẠO

345
NGƯỜI
TỔNG SỐ NHÂN VIÊN CÔNG TY,
THUYỀN VIÊN TẠI NGÀY 31/12/2016.



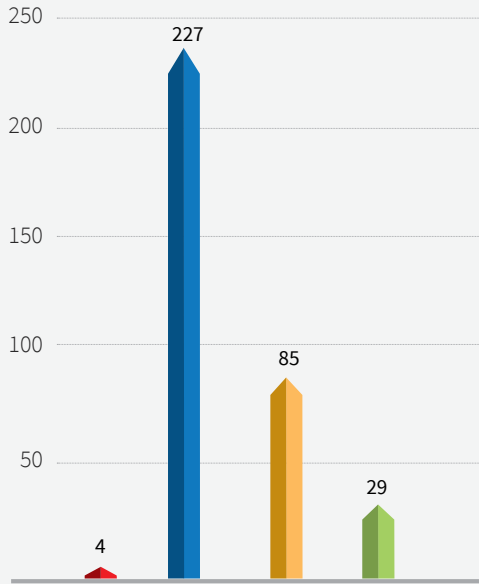
BÁO CÁO CHẤT LƯỢNG THUYỀN VIÊN VÀ CÔNG
TÁC HUẤN LUYỆN ĐÀO TẠO

Đẩy mạnh quá trình đào tạo, nâng cao chất lượng nhân
viên thuyền viên Công ty Cổ phần Âu Lạc.

Việc tập trung huấn luyện, đào tạo đội ngũ nhân viên,
thuyền viên Âu Lạc trong năm 2016 giúp Công ty giữ vững
tính chuyên nghiệp, đảm bảo chất lượng dịch vụ, nâng
tầm nhân viên, thuyền viên đạt tiêu chuẩn Âu Lạc.

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ
TRIỂN KHAI TRONG NĂM 2016

Trong năm 2016, nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển
nguồn nhân lực chất lượng cao đảm bảo tốc độ phát

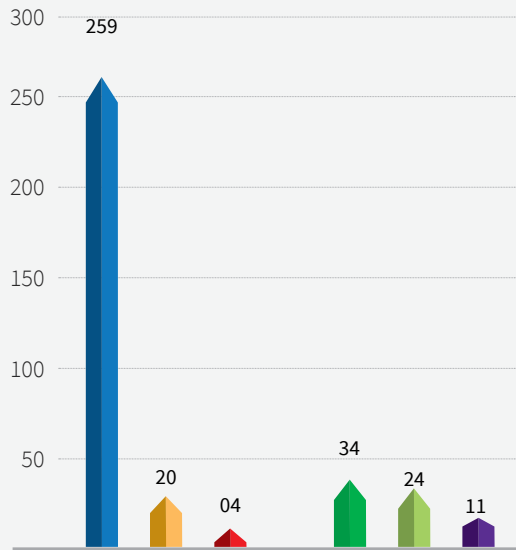


Trình độ chuyên môn:

Sau đại học	:	4
Đại học và cao đẳng	:	227
Trung cấp	:	85
Sơ cấp	:	29



triển, đầu tư tàu, Trung tâm huấn luyện và đào tạo của
Công ty đã tổ chức các chương trình huấn luyện đào
tạo sau:



Chất lượng thuyền viên

Tốt và khá	:	259
Đạt yêu cầu	:	20
Còn hạn chế	:	04

Chất lượng thuyền viên thực tập

Tốt	:	34
Khá	:	24
Đạt yêu cầu	:	11

- » Huấn luyện, đào tạo nâng chức danh cho 20 Sỹ quan, thuyền viên.
- » Tiến hành đào tạo huấn luyện các nội dung quan trọng cho nhiều sỹ quan, thuyền viên trên tàu như: 11 lượt huấn luyện hải đồ điện tử cho 32 thuyền viên, 13 khóa huấn luyện hướng dẫn theo nội dung của Shell cho 152 thuyền viên, huấn luyện làm quen cho 63 sỹ quan, thuyền viên mới theo tiêu chí Âu Lạc.
- » Tổ chức 09 lớp đào tạo tiếng Anh hàng hải và cấp chứng chỉ tiếng Anh cho 139 Sỹ quan, thuyền viên Âu Lạc.
- » Tổ chức hai lớp đào tạo Điều tra tai nạn và Nhận diện rủi ro cho cán bộ, chuyên viên văn phòng.



Định hướng **CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2017**

Ưu tiên cơ cấu các tàu đóng ở Trung Quốc bằng các tàu đóng ở Hàn Quốc, Nhật Bản trong năm 2017.

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY



Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao chất lượng hệ thống Quản lý An toàn của Công ty theo tiêu chuẩn TMSA, đáp ứng các tiêu chuẩn và tuân thủ các Công ước quốc tế về hàng hải, các nghị định, quy định mới được ban hành nhằm đảm bảo việc vận hành an toàn đội tàu Công ty.



Tăng cường công tác tuyển dụng thuyền viên theo tiêu chí của Âu Lạc, đẩy mạnh công tác huấn luyện thuyền viên bằng thực hành thông qua thiết bị mô phỏng và thực tế trên tàu để thuyền viên nắm bắt nhanh kiến thức đủ điều kiện để đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.



Tiếp tục nâng cao tính chuyên nghiệp và trình độ nhân lực toàn Công ty thông qua công tác huấn luyện đào tạo và tuyển dụng.



Nhanh chóng hoán đổi các tàu đóng tại Trung Quốc bằng các tàu chất lượng tốt đóng tại Hàn Quốc hoặc Nhật Bản với giá hợp lý, giảm thiểu rủi ro trong khai thác và đáp ứng xu thế phát triển của Công ty trung và dài hạn.



Tiếp tục phát triển thêm khách hàng trong và ngoài nước, lập kế hoạch chăm sóc khách hàng chu đáo, đặc biệt với những khách hàng truyền thống và tiến đến ký hợp đồng dài hạn.



Từng bước đa dạng hóa hoạt động kinh doanh của Công ty trong lĩnh vực vận tải biển và các lĩnh vực khác liên quan đến ngành năng lượng như lĩnh vực hóa dầu.

3

Tiếp tục nâng cao tính chuyên nghiệp và trình độ nhân lực toàn Công ty thông qua công tác huấn luyện đào tạo và tuyển dụng.

Báo cáo TÀI CHÍNH

Thông tin chung	16
Báo cáo kiểm toán độc lập	20
Bảng cân đối kế toán	22
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	26
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	28
Thuyết minh báo cáo tài chính	30

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký	Số 0302704796 đăng ký lần đầu ngày 4 tháng 9 năm 2002 và đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 14 tháng 3 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.	
Hội đồng Quản trị	Bà Ngô Thu Thúy	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Đức Hình	Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2016)
	Ông Đặng Vinh Sang	Thành viên
	Ông Mai Văn Tùng	Thành viên
	Bà Trần Ngọc Anh Đào	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 7 năm 2016)
	Ông Lê Minh Quốc	Phó Chủ tịch (Từ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2016)
Ban Kiểm soát	Ông Ngô Thanh Tùng	Thành viên (Từ nhiệm ngày 27 tháng 7 năm 2016)
	Ông Huỳnh Đức Trường	Trưởng ban
	Bà Nguyễn Đình Thủy Tiên	Thành viên
	Bà Đặng Thị Hồng Loan	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Phan Vĩnh Kha	Thành viên
	Ông Mai Văn Tùng	Tổng Giám đốc
	Ông Lê Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Hồ Văn Thiện	Phó Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật	Bà Ngô Thu Thúy	Chủ tịch
	Ông Mai Văn Tùng	Tổng Giám đốc
Trụ sở chính	Số 159, Đường Trương Văn Bang, Phường Thạnh Mỹ Lợi Quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Kiểm toán viên	Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam	

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Âu Lạc (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và sai sót khác.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 29. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



MAI VĂN TÙNG
Người đại diện theo pháp luật kiêm Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC



Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Âu Lạc (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2016, và được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt ngày 27 tháng 3 năm 2017. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 40 đến trang 59.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi một đơn vị kiểm toán khác mà báo cáo kiểm toán của họ đề ngày 10 tháng 3 năm 2016 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam



Richard Peters

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

0561-2013-006-1

Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM5911

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2017



Lại Hùng Phương

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

2432-2013-006-1

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

		VND	
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	
		2016	2015
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN	579.575.449.593	186.374.534.214
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	30.701.957.563	66.452.162.892
111	Tiền	27.401.957.563	17.952.162.892
112	Các khoản tương đương tiền	3.300.000.000	48.500.000.000
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	150.000.000.000	22.000.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	150.000.000.000	22.000.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn	244.761.802.478	25.385.468.082
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	41.113.058.705	19.959.127.468
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	41.466.955.829	4.154.317.156
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	150.000.000.000	-
136	Phải thu ngắn hạn khác	13.330.501.555	2.420.737.069
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.148.713.611)	(1.148.713.611)
140	Hàng tồn kho	70.751.551.870	40.527.767.866
141	Hàng tồn kho	70.751.551.870	40.527.767.866
150	Tài sản ngắn hạn khác	83.360.137.682	32.009.135.374
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	2.534.234.955	2.088.724.376
152	Thuế GTGT được khấu trừ	80.825.902.727	29.920.410.998
200	TÀI SẢN DÀI HẠN	1.542.628.668.725	1.004.868.901.981
210	Các khoản phải thu dài hạn	4.610.000.000	4.605.000.000
216	Phải thu dài hạn khác	4.610.000.000	4.605.000.000
220	Tài sản cố định	1.481.118.363.307	965.783.397.517
221	Tài sản cố định hữu hình	1.481.118.363.307	965.783.397.517
222	Nguyên giá	2.268.030.822.158	1.592.667.525.889
223	Giá trị hao mòn lũy kế	(786.912.458.851)	(626.884.128.372)
227	Tài sản cố định vô hình	-	-
228	Nguyên giá	65.500.000	83.435.669
229	Giá trị hao mòn lũy kế	(65.500.000)	(83.435.669)
240	Tài sản dở dang dài hạn	70.400.000	10.716.846.739
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	70.400.000	10.716.846.739
250	Đầu tư tài chính dài hạn	4.971.886.228	5.073.925.500
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	9.874.000.000	9.874.000.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(4.902.113.772)	(4.800.074.500)
260	Tài sản dài hạn khác	51.858.019.190	18.689.732.225
261	Chi phí trả trước dài hạn	51.858.019.190	18.689.732.225
270	TỔNG TÀI SẢN	2.122.204.118.318	1.191.243.436.195

Các thuyết minh từ trang 40 đến trang 59 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

		VND	
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	
		2016	2015
300	NỢ PHẢI TRẢ	1.331.609.502.547	462.222.337.417
310	Nợ ngắn hạn	673.936.498.906	144.278.184.949
311	Phải trả người bán ngắn hạn	50.421.818.697	23.760.189.994
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	3.342.920.326
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	5.143.128.105	9.961.016.490
314	Phải trả người lao động	4.021.085.827	6.193.109.235
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	1.797.948.334	1.873.710.681
319	Phải trả ngắn hạn khác	11.983.043.378	5.116.983.052
320	Vay ngắn hạn	587.452.990.067	84.557.515.703
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	13.116.484.498	9.472.739.468
330	Nợ dài hạn	657.673.003.641	317.944.152.468
338	Vay dài hạn	657.673.003.641	317.944.152.468
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU	790.594.615.771	729.021.098.778
410	Vốn chủ sở hữu	790.594.615.771	729.021.098.778
411	Vốn góp của chủ sở hữu	326.779.820.000	326.779.820.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	326.779.820.000	326.779.820.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	254.725.820.000	254.725.820.000
415	Cổ phiếu quỹ	(28.421.330.700)	(28.421.330.700)
418	Quỹ đầu tư phát triển	64.154.713.815	55.480.871.495
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	173.355.592.656	120.455.917.983
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	83.536.018.012	22.571.991.880
421b	- LNST chưa phân phối năm nay	89.819.574.644	97.883.926.103
440	TỔNG NGUỒN VỐN	2.122.204.118.318	1.191.243.436.195


LÊ HẢI ANH
Người lập biểu


HỒ VĂN THIỆN
Kế toán trưởng


MAI VĂN TÙNG
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 40 đến trang 59 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 02 – DN

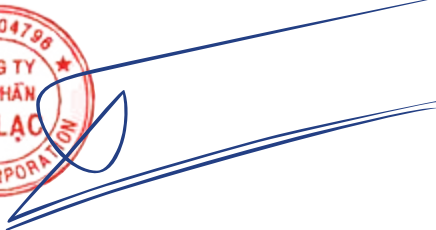
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

			VND	
Mã số	Thuyết minh	2016	2015	
01	Doanh thu cung cấp dịch vụ	21	742.577.130.848	695.528.254.618
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ		742.577.130.848	695.528.254.618
11	Giá vốn dịch vụ cung cấp	22	(543.320.251.453)	(475.374.459.501)
20	Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		199.256.879.395	220.153.795.117
21	Doanh thu hoạt động tài chính	23	14.212.515.777	5.581.762.377
22	Chi phí tài chính	24	(44.737.749.610)	(27.612.682.140)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(31.490.305.374)	(15.609.181.461)
25	Chi phí bán hàng	25	(13.379.597.327)	(13.083.162.621)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(38.956.779.392)	(34.762.115.597)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		116.395.268.843	150.277.597.136
31	Thu nhập khác		19.657.808.020	2.598.417.746
32	Chi phí khác		(287.454.733)	(1.248.303.215)
40	Lợi nhuận khác	27	19.370.353.287	1.350.114.531
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		135.765.622.130	151.627.711.667
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	28	(27.342.593.136)	(36.470.151.546)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		108.423.028.994	115.157.560.121
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29(a)	3.329	3.408
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	29(b)	2.005	3.408


LÊ HẢI ANH
Người lập biểu


HỒ VĂN THIỆN
Kế toán trưởng



MAI VĂN TÙNG
Tổng Giám đốc

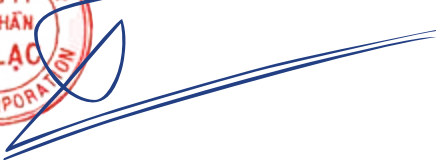
Ngày 27 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 40 đến trang 59 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

			VND	
Mã số	Thuyết minh	2016	2015	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Lợi nhuận trước thuế		135.765.622.130	151.627.711.667
Điều chỉnh cho các khoản:				
02	Khấu hao tài sản cố định (“TSCĐ”)		165.058.274.672	129.416.976.094
03	Các khoản dự phòng		102.039.272	300.527.314
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		12.095.627.526	9.929.419.141
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(32.711.475.426)	(3.914.027.802)
06	Chi phí lãi vay		31.490.305.374	15.609.181.461
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		311.800.393.548	302.969.787.875
09	Tăng các khoản phải thu		(120.035.092.703)	(4.268.199.766)
10	Tăng hàng tồn kho		(30.223.784.004)	(701.103.387)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		3.577.148.807	(3.075.275.832)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(22.967.350.805)	2.569.748.244
14	Tiền lãi vay đã trả		(26.386.801.483)	(15.609.181.461)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(31.394.263.649)	(28.136.927.268)
16	Thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	Chi khác từ hoạt động kinh doanh		(12.917.459.971)	(3.000.074.939)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		71.452.789.740	250.748.773.466
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Chi để mua sắm TSCĐ và tài sản dài hạn khác		(688.226.664.947)	(237.065.478.793)
22	Thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác		27.265.454.545	-
23	Tăng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		(365.000.000.000)	(27.000.000.000)
24	Thu hồi các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		87.000.000.000	5.000.000.000
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	613.000.000
27	Thu lãi tiền gửi		13.279.445.366	3.914.027.802
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(925.681.765.036)	(254.538.450.991)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
32	Chi mua lại cổ phiếu đã phát hành		-	(23.248.479.700)
33	Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.357.223.063.355	363.803.532.843
34	Chi trả nợ gốc vay		(514.598.737.818)	(347.657.513.943)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông	15	(28.801.677.436)	(31.287.569.040)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính		813.822.648.101	(38.390.029.840)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(40.406.327.195)	(42.179.707.365)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3	66.452.162.892	108.436.975.513
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		4.656.121.866	194.894.744
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	30.701.957.563	66.452.162.892


LÊ HẢI ANH
Người lập biểu


HỒ VĂN THIỆN
Kế toán trưởng



MAI VĂN TÙNG
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2017

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Âu Lạc (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302704796 đăng ký lần đầu ngày 4 tháng 9 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận điều chỉnh mới nhất được cấp ngày 14 tháng 3 năm 2016.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vận tải nhiên liệu đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương; dịch vụ hàng hải – kinh doanh vận tải biển, đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải biển, dịch vụ thủ tục hải quan và các hoạt động liên quan khác.

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 345 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 311 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND”).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.5 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và nhập trước xuất trước cho công cụ dụng cụ và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo đó, và bao gồm tất cả các chi phí mua và các chi phí khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

2.7 Đầu tư

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao và hao mòn

Tài sản cố định được khấu hao/ hao mòn theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	25 năm
Phương tiện vận tải	5 - 15 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.8 Tài sản cố định (tiếp theo)

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.9 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.11 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.11 Nợ phải trả (tiếp theo)

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.13 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa và dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.14 Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty tính toán và xác định riêng biệt giá trị cấu phần nợ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi theo phương pháp lãi suất thực tế. Phần nợ gốc được ghi nhận là nợ phải trả. Sau ghi nhận ban đầu, định kỳ Công ty ghi nhận lãi trái phiếu theo lãi suất thực tế.

2.15 Vốn cổ phần

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh lũy kế sau thuế thu nhập và sau khi đã trích các quỹ được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại thời điểm báo cáo.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.16 Phân chia lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt nam có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Công ty phân chia lợi nhuận thuần như sau:

- (a) Quỹ đầu tư phát triển
- Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.
- (b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.
- (c) Chia cổ tức
- Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

2.17 Ghi nhận doanh thu

- (a) Doanh thu dịch vụ
- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

• Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

• Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và

• Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- (b) Thu nhập lãi
- Thu nhập lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.
- (c) Thu nhập từ cổ tức
- Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty được xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.18 Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.19 Doanh thu tài chính

Doanh thu tài chính phản ánh những khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm lãi từ tiền gửi ngân hàng và lãi tỷ giá hối đoái.

2.20 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và lỗ tỷ giá hối đoái.

2.21 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ, chủ yếu là chi phí hoa hồng.

2.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp và chi phí bằng tiền khác.

2.23 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.24 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho tổng của số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm trong năm.

2.25 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

2.26 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	2016	2015
Tiền mặt	977.048.148	655.744.924
Tiền gửi ngân hàng	26.424.909.415	17.296.417.968
Các khoản tương đương tiền (*)	3.300.000.000	48.500.000.000
	30.701.957.563	66.452.162.892

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trong vòng 3 tháng.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

- (a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn
- Khoản tiền gửi ngắn hạn trị giá 150 tỷ đồng tại ngân hàng Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam có thời hạn gốc sáu tháng và hưởng lãi suất 6,5% một năm (2015: 22 tỷ đồng, 5,8% một năm). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản tiền gửi ngắn hạn đã được thế chấp cho khoản vay ngân hàng (Thuyết minh 16(b)).
- (b) Đầu tư vào đơn vị khác

	2016			2015		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị thuần	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị thuần
Công ty Cổ phần Xăng dầu Nam Việt Sài Gòn	4.000.000.000	(650.400.000)	3.349.600.000	4.000.000.000	(650.400.000)	3.349.600.000
Công ty Cổ phần Kho vận Petec	2.700.000.000	(2.700.000.000)	-	2.700.000.000	(2.700.000.000)	-
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư	2.120.000.000	(1.395.057.532)	724.942.468	2.120.000.000	(1.379.272.000)	740.728.000
Công ty Cổ phần Cà phê Petec	745.000.000	(156.656.240)	588.343.760	745.000.000	(70.402.500)	674.597.500
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	309.000.000	-	309.000.000	309.000.000	-	309.000.000
	9.874.000.000	(4.902.113.772)	4.971.886.228	9.874.000.000	(4.800.074.500)	5.073.925.500

Giá trị thuần của các khoản đầu tư được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	2016	2015
Anglo premier shipping Pte Ltd.	22.213.566.375	-
Sinopec (Hongkong) Petroleum Holding Co Ltd.	5.338.592.875	-
Reliance Industries Ltd, Mumbai, India	4.766.600.781	-
PTT International Trading Pte Ltd.	-	8.755.500.000
Petrolimex Singapore Pte Ltd.	-	5.567.720.107
PetroChina International (Singapore) Pte Ltd.	-	4.487.193.750
Khác	8.794.298.674	1.148.713.611
	41.113.058.705	19.959.127.468

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	2016	2015
Trả trước cho bên thứ ba để mua cổ phiếu (*)	40.000.000.000	-
Khác	1.466.955.829	4.154.317.156
	41.466.955.829	4.154.317.156

(*) Khoản trả trước là khoản tiền đặt cọc để mua 3.055.000 cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu theo phương thức giao dịch thỏa thuận với tổng giá trị hợp đồng là 59.987.980.000 đồng.

7 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Đây là một khoản cho một bên thứ ba vay với giá trị 150 tỷ đồng, lãi suất 9%/năm và có thời hạn thanh toán trước ngày 29 tháng 9 năm 2017. Khoản cho vay được bảo đảm bởi 15 triệu cổ phiếu của Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam trị giá 156 tỷ đồng theo giá thị trường, đang lưu ký và được phong tỏa tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt.

8 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	2016	2015
Tạm ứng cho nhân viên	6.438.924.701	386.278.225
Lãi phải thu cho vay	4.893.000.000	-
Khác	1.998.576.854	2.034.458.844
	13.330.501.555	2.420.737.069

9 HÀNG TỒN KHO

	VND	
	2016	2015
Công cụ và dụng cụ	34.051.728.398	23.867.815.362
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	36.699.823.472	16.659.952.504
	70.751.551.870	40.527.767.866

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang thể hiện phần nhiên liệu tồn trên các tàu của Công ty tại ngày của báo cáo.

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	VND			
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Máy móc và thiết bị	Tổng cộng
Nguyên giá				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	12.399.011.818	1.579.516.968.329	751.545.742	1.592.667.525.889
Mua trong năm	-	687.907.694.033	318.970.914	688.226.664.947
Thanh lý, nhượng bán	(12.399.011.818)	-	(464.356.860)	(12.863.368.678)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	-	2.267.424.662.362	606.159.796	2.268.030.822.158
Khấu hao lũy kế				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	4.298.320.000	621.874.582.832	711.225.540	626.884.128.372
Khấu hao trong năm	267.267.333	164.712.532.018	78.475.321	165.058.274.672
Thanh lý, nhượng bán	(4.565.587.333)	-	(464.356.860)	(5.029.944.193)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	-	786.587.114.850	325.344.001	786.912.458.851
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	8.100.691.818	957.642.385.497	40.320.202	965.783.397.517
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	-	1.480.837.547.512	280.815.795	1.481.118.363.307

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tài sản cố định hữu hình với tổng giá trị còn lại là 1.094 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 663 tỷ đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh 16(b)).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 795 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 784 triệu đồng).

(b) Tài sản cố định vô hình

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015, tài sản cố định vô hình bao gồm các phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng.

11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

		VND
	2016	2015
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	10.194.518.595
Khác	70.400.000	522.328.144
	70.400.000	10.716.846.739

12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

		VND
	2016	2015
(a) Ngắn hạn		
Phí bảo hiểm	2.209.992.609	2.088.724.376
Phí thuê văn phòng	324.242.346	-
	2.534.234.955	2.088.724.376
(b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa định kỳ	50.673.445.275	18.689.732.225
Cải tạo văn phòng	1.184.573.915	-
	51.858.019.190	18.689.732.225

13 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN NGƯỜI BÁN

		VND
	2016	2015
Standard Maritime Pte., Ltd.	22.399.130.150	1.416.763.638
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco	5.726.345.372	2.526.948.000
Khác	22.296.343.175	19.816.478.356
	23.760.189.994	50.421.818.697

14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP/PHẢI THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(a) Phải nộp

				VND
	Tại ngày1.1.2016	Phải nộp	Đã nộp	Tại ngày 31.12.2016
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.785.520.188	27.342.593.136	(31.394.263.649)	4.733.849.675
Thuế thu nhập cá nhân	1.175.496.302	3.789.041.090	(4.555.258.962)	409.278.430
	9.961.016.490	31.131.634.226	(35.949.522.611)	5.143.128.105

14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP/PHẢI THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

(b) Phải thu

Các khoản phải thu bao gồm thuế GTGT đầu vào sẽ được hoàn lại phát sinh từ việc mua mới hai con tàu và từ hoạt động kinh doanh của Công ty.

15 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

		VND
	2016	2015
Phí hoa hồng	3.847.651.472	2.104.759.777
Lãi phải trả	3.305.555.557	-
Cổ tức phải trả (*)	2.250.407.100	1.648.692.507
Khác	2.579.429.249	1.363.530.768
	11.983.043.378	5.116.983.052

(*) Biến động của cổ tức phải trả trong năm như sau:

		VND
	2016	2015
Số dư đầu năm	1.648.692.507	1.498.235.547
Cổ tức phải trả trong năm (Thuyết minh số 19)	30.288.307.000	31.438.026.000
Cổ tức đã chi trả	(28.801.677.436)	(31.287.569.040)
Khác	(884.914.971)	-
Số dư cuối năm	2.250.407.100	1.648.692.507

16 CÁC KHOẢN VAY

(a) Theo kỳ hạn

		VND
	2016	2015
Ngắn hạn		
Trái phiếu chuyển đổi	200.000.000.000	-
Vay ngân hàng	261.974.499.928	36.331.468.671
Nợ dài hạn đến hạn trả	125.478.490.139	48.226.047.032
	587.452.990.067	84.557.515.703
Dài hạn		
Vay ngân hàng	783.151.493.780	366.170.199.500
Nợ dài hạn đến hạn trả	(125.478.490.139)	(48.226.047.032)
	657.673.003.641	317.944.152.468

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 09 – DN

16 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

(b) Biến động của các khoản vay

	Tại ngày1.1.2016	Tiền thu được	Trả nợ	VND	Tại ngày 31.12.2016
Trái phiếu chuyển đổi ngắn hạn (*)	-	200.000.000.000	-		200.000.000.000
Vay ngân hàng ngắn hạn (**)	36.331.468.671	711.199.417.172	(485.556.385.915)		261.974.499.928
Vay ngân hàng dài hạn (**)	366.170.199.500	446.023.646.183	(29.042.351.903)		783.151.493.780
	402.501.668.171	1.357.223.063.355	(514.598.737.818)		1.245.125.993.708

(*) Chi tiết trái phiếu chuyển đổi tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành 2.000.000 trái phiếu chuyển đổi với mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu cho Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Đức Hiếu để đầu tư phát triển đội tàu và đầu tư vào các hoạt động kinh doanh khác.

Trái phiếu có thời hạn 12 tháng chịu lãi suất cố định 7%/năm và được thanh toán lãi theo định kỳ 3 tháng/lần kể từ ngày phát hành. Trái phiếu có thể được chuyển đổi sang cổ phiếu vào 2 đợt 6 tháng và 12 tháng kể từ ngày phát hành với tỷ lệ chuyển đổi là 50% mỗi đợt. Giá chuyển đổi 10.000 đồng/cổ phiếu và tỷ lệ chuyển đổi là 1 trái phiếu sẽ được chuyển đổi thành 10 cổ phiếu phổ thông.

(**) Chi tiết các khoản vay ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Vào ngày 6 tháng 1 năm 2017, 50% trái phiếu đã được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

Ngân hàng		Số dư vay		Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
		Theo tiền tệ gốc	Quy đổi sang VND			
Ngắn hạn						
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam		40.000.000.000 VND	40.000.000.000	Từ ngày 23 tháng 12 năm 2016 đến ngày 24 tháng 4 năm 2017	6.0% theo VND	Tín chấp
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam		1.830.603 USD	41.728.594.473	Từ ngày 28 tháng 9 năm 2016 đến 27 tháng 10 năm 2017	1.7% theo USD	Tín chấp
Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam		150.000.000.000 VND	150.000.000.000	Từ ngày 29 tháng 9 năm 2016 đến 7 tháng 1 năm 2017	7.5% theo VND	Hợp đồng tiền gửi (Thuyết minh 4(a))
Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam		1.326.866 USD	30.245.905.455	Từ ngày 4 tháng 11 năm 2016 đến 22 tháng 3 năm 2017	1.6% theo USD	Tín chấp
			261.974.499.928			
Dài hạn						
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam		7.008.500 USD	159.758.757.500	Từ ngày 18 tháng 7 năm 2014 đến ngày 18 tháng 7 năm 2021	Thả nổi	Tàu (Thuyết minh 10)
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam		5.928.000 USD	135.128.760.000	Từ ngày 18 tháng 12 năm 2015 đến ngày 16 tháng 12 năm 2021	Thả nổi	Tàu (Thuyết minh 10)
Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông		12.936.926 USD	294.897.228.170	Từ tháng 7 năm 2016 đến tháng 7 năm 2023	Thả nổi	Tàu (Thuyết minh 10)
Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông		8.482.858 USD	193.366.748.110	Từ ngày 12 tháng 9 năm 2016 đến ngày 12 tháng 9 năm 2023	Thả nổi	Tàu (Thuyết minh 10)
			783.151.493.780			

17 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND	
	2016	2015
Số dư đầu năm	9.472.739.468	4.411.785.199
Số đã sử dụng	(3.945.867.000)	(3.000.074.939)
Số đã trích	7.589.612.030	8.061.029.208
Số dư cuối năm	13.116.484.498	9.472.739.468

18 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2016 Cổ phiếu phổ thông	2015 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	32.677.982	32.677.982
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	32.677.982	32.677.982
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	(2.389.675)	(2.389.675)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.288.307	30.288.307

(b) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	31.217.982	312.179.820.000
Chuyển đổi trái phiếu sang cổ phiếu	1.460.000	14.600.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	32.677.982	326.779.820.000
Cổ phiếu mới phát hành	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	32.677.982	326.779.820.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

19 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

	VND					
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	312.179.820.000	254.725.820.000	(5.172.851.000)	46.268.266.685	57.728.189.537	665.729.245.222
Trái phiếu chuyển đổi	14.600.000.000	-	-	-	-	14.600.000.000
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(23.248.479.700)	-	-	(23.248.479.700)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	115.157.560.121	115.157.560.121
Trích quỹ đầu tư và phát triển	-	-	-	9.212.604.810	(9.212.604.810)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(8.061.029.208)	(8.061.029.208)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(31.438.026.000)	(31.438.026.000)
Thù lao và thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(3.718.171.657)	(3.718.171.657)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	326.779.820.000	254.725.820.000	(28.421.330.700)	55.480.871.495	120.455.917.983	729.021.098.778
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	108.423.028.994	108.423.028.994
Cổ tức công bố (Thuyết minh số 15) (*)	-	-	-	-	(30.288.307.000)	(30.288.307.000)
Trích quỹ đầu tư và phát triển (*)	-	-	-	8.673.842.320	(8.673.842.320)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(7.589.612.030)	(7.589.612.030)
Thù lao và thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (*)	-	-	-	-	(8.086.678.000)	(8.086.678.000)
Khác	-	-	-	-	(884.914.971)	(884.914.971)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	326.779.820.000	254.725.820.000	(28.421.330.700)	64.154.713.815	173.355.592.656	790.594.615.771

(*) Căn cứ theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông Thường niên số 02/2016/NQ-ĐHCD ngày 12 tháng 5 năm 2016.

20 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 950.060 Đô la Mỹ (“USD”) (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 626.884 USD).

21 DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

	VND	
	2016	2015
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải biển và hàng hải	742.577.130.848	695.528.254.618

22 GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	2016	2015
Giá vốn dịch vụ vận tải biển và hàng hải đã cung cấp	543.320.251.453	475.374.459.501

23 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	VND	
	2016	2015
Lãi tiền gửi và cho vay	13.279.445.366	3.914.027.802
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	933.070.411	1.667.734.575
	14.212.515.777	5.581.762.377

24 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	2016	2015
Lãi tiền vay	31.490.305.374	15.609.181.461
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.049.777.438	1.627.227.992
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	102.039.272	446.853.546
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	12.095.627.526	9.929.419.141
	44.737.749.610	27.612.682.140

25 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	2016	2015
Chi phí hoa hồng	13.379.597.327	13.083.162.621

26 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	2016	2015
Chi phí nhân viên	21.579.533.252	21.485.265.041
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.308.736.566	6.342.485.972
Chi phí khấu hao	805.476.247	1.008.830.877
Khác	5.263.033.327	5.925.533.707
	38.956.779.392	34.762.115.597

27 LỢI NHUẬN KHÁC

	VND	
	2016	2015
Thu nhập khác		
Lãi do thanh lý tài sản	19.432.030.060	-
Khác	225.777.960	2.598.417.746
	19.657.808.020	2.598.417.746
Chi phí khác		
Khác	(287.454.733)	(1.248.303.215)
	19.370.353.287	1.350.114.531

28 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng như sau:

	VND	
	2016	2015
Lợi nhuận kế toán trước thuế	135.765.622.130	151.627.711.667
Thuế tính ở thuế suất 20% (2015: 22%)	27.153.124.426	33.358.096.567
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	408.576.467	868.694.179
Lãi chênh lệch tỷ giá không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(219.107.757)	-
Dự phòng bổ sung các năm trước	-	2.243.360.800
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	27.342.593.136	36.470.151.546
Chi phí ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27.342.593.136	36.470.151.546
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
	27.342.593.136	36.470.151.546

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

29 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	VND	
	2016	2015
Lợi nhuận sau thuế (VND)	108.423.028.994	115.157.560.121
Điều chỉnh giảm số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(7.589.612.030)	(8.061.029.208)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho các cổ đông sau điều chỉnh (VND)	100.833.416.964	107.096.530.913
Bình quân giá quyền sở cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	30.288.307	31.425.330
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	3.329	3.408

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	VND	
	2016	2015
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho các cổ đông sau điều chỉnh (VND)	100.833.416.964	107.096.530.913
Bình quân giá quyền sở cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	30.288.307	31.425.330
Số lượng cổ phiếu có khả năng chuyển đổi (cổ phiếu)	20.000.000	-
Bình quân giá quyền sở cổ phiếu phổ thông sau điều chỉnh (cổ phiếu)	50.288.307	31.425.330
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)	2.005	3.408

30 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	2016	2015
Chi phí nguyên vật liệu	154.666.516.925	155.824.278.940
Chi phí nhân viên	68.488.689.445	57.814.843.206
Chi phí khấu hao	165.058.274.672	129.416.976.094
Chi phí dịch vụ mua ngoài	202.139.906.476	171.399.680.265
Khác	5.303.240.654	8.062.855.827
	595.656.628.172	522.518.634.332

31 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Công ty là dịch vụ vận tải biển và hàng hải. Rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do khu vực địa lý mà Công ty hoạt động. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

32 THUYẾT MINH CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các khoản chi cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc như sau:

	VND	
	2016	2015
Lương và quyền lợi khác	6.897.878.000	3.718.171.657

33 CÁC SỐ LIỆU SO SÁNH

Một vài số liệu trong báo cáo tài chính năm trước được trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày của năm hiện tại.

Báo cáo tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 27 tháng 3 năm 2017.

LÊ HẢI ANH
Người lập biểu

HỒ VĂN THIỆN
Kế toán trưởng

MAI VĂN TÙNG
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2017

Năng lượng luôn chuyển động
Energy on the move

Contents

Corporation's Profile

- 64 Message from Chairwoman
- 66 Shareholders' structure
- 68 Introduction of The Board of Directors
- 69 Introduction of Supervisory Board
- 70 Introduction of Board of Management
- 71 Organizational chart

Business Performance

- 74 Board of Management report
- 78 The Supervisory Board's report
- 80 Report on crew quality and training
- 86 The company's orientation in 2017

Financial Statements

- 90 General Information
- 92 Independent auditor's report
- 94 Balance sheet
- 96 Income statement
- 97 Cash flow statement
- 98 Notes to financial statements



Corporation's PROFILE

Message from Chairwoman	64
Shareholders' structure	66
Introduction of The Board of Directors	68
Introduction of Supervisory Board	69
Introduction of Board of Management	70
Organizational chart	71

1

With professional human resources and effective management system, Aulac is and will take further steps to actualize our strategy of expanding long-term business to strengthen and enhance our position in regional and international market, as well as with maintaining our brand with the best service quality.



THE GOAL IN 2017 IS TO CONTINUE MAINTAINING OUR BUSINESS RESULTS, DIVERSIFYING SAFE AND SUSTAINABLE INVESTMENT, IN ORDER TO BRING AULAC CORPORATION TO BECOME **"ONE OF THE LEADING COMPANIES IN SHIPPING INDUSTRY IN VIETNAM"**.



118%
BUSINESS PLAN
PROFIT AFTER TAX

Dear Shareholders, Partners, the Board of Directors, the Board of Management and all staffs and crew members of Aulac Corporation ("Aulac").

2016 has been a very challenging year for shipping industry in general and Aulac in particular. The world market has experienced a recession in the profit margin of a number of big leaders in the shipping industry. Under this circumstance, with the orientation of sustainable development of Aulac fleet and business efficiency, all members of the Board of Directors, Board of Management and all staffs and crew members have worked together with constant efforts to help Aulac to overcome the challenges and achieve encouraging business results. After-tax profit reached VND 108.2 billion, which is 18 % higher than the target set by the General Assembly of Shareholders for 2016; Total assets at the end of the year achieved 178% compared to the beginning of the year.

First of all, on behalf of the Board of Directors, I would like to express my warmest appreciation to all valuable contribution of all staff and crew members in 2016 that brought Aulac and Shareholders a profitable business year.

In addition to actively operating the current fleet, Aulac also focuses on renovating and improving fleet quality by promptly acquiring and operating two more Korean built vessels Aulac Fortune and Aulac Bella to gradually replace China built vessels. Moreover we have been formulating long-term investment strategies, seeking potential and reputable partners to co-operate on long-term sustainable projects in order to set the precedent for the new development phase of Aulac Corporation.

I would like to share the initial achievement of our long-term investment strategies that we have succeeded in negotiating to establish a new joint venture to build a gasoline refinery with our investment capital ratio account for 24% of total project capital. This project is currently running in good process.

Along with the accelerating business development and investment, we also play close attention on H&R improvement. We have been implementing various programs to meet our high need of recruiting and training in order to increase the quality of our staffs and crews. For

instance, in 2016 we completely set up a representative office in Hai Phong – a northern harbor city. Aulac is aiming to increase our crew quality to meet the international standards, to satisfy the expectations of our esteemed Customers and the trust of our Shareholders.

Certainly, this year success cannot be achieved without the drastic execution of the Board of Management, the wise leadership of the Board of Directors, and especially the hard-working spirit of all staff and crew members along with the precious support of Shareholders, domestic and foreign Customers and Partner.

The goal in 2017 is to continue maintaining our business results, diversifying safe and sustainable investment, in order to bring Aulac Corporation to become "One of the leading companies in shipping industry in Vietnam".

Our Board of Directors believe that with professional human resources and effective management system, Aulac is and will take further steps to actualize our strategy of expanding long-term business to strengthen and enhance our position in regional and international market, as well as with maintaining our brand with the best service quality.

Once again, we are looking forward to receiving further support from esteemed Shareholders, domestic and foreign Customers and Partners and the enthusiastic contribution of all staffs and crew members of Aulac.

I, on behalf of the Board of Directors, sincerely thank and wish all the Shareholders, Customers, Partners and Aulac Corporation all the best.

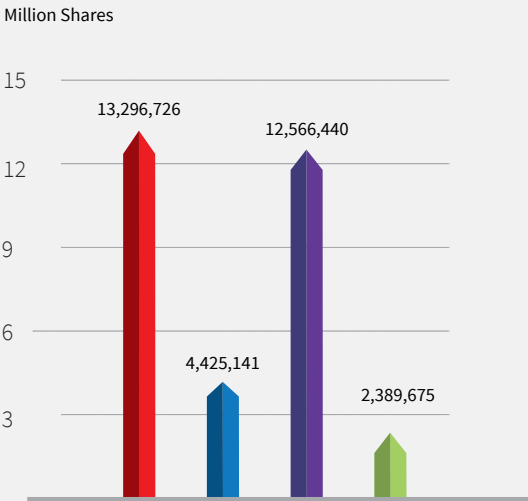
NGO THU THUY
Chairwoman

Shareholders’
STRUCTURE

As at 31/12/2016, the Company’s share capital is as follows:

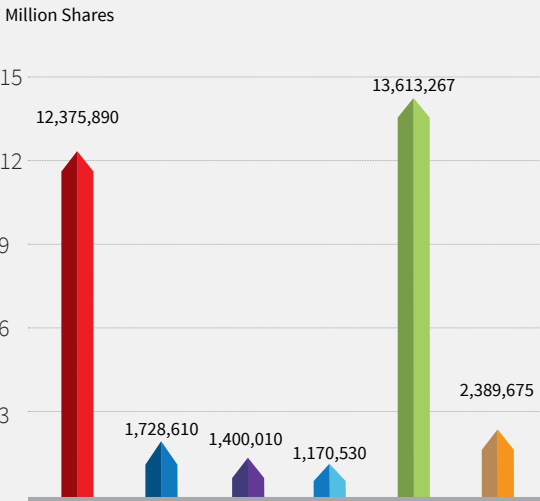
» Charter capital of the Company	:	326,779,820,000 VND
» Paid in capital	:	326,779,820,000 VND
» Number of shares outstanding	:	30,288,307 Shares
» Treasury shares	:	2,389,675 Shares
» Par value per share	:	10,000 VND/Shares

326.8
BILLION VND
CHARTER CAPITAL AS AT 2016



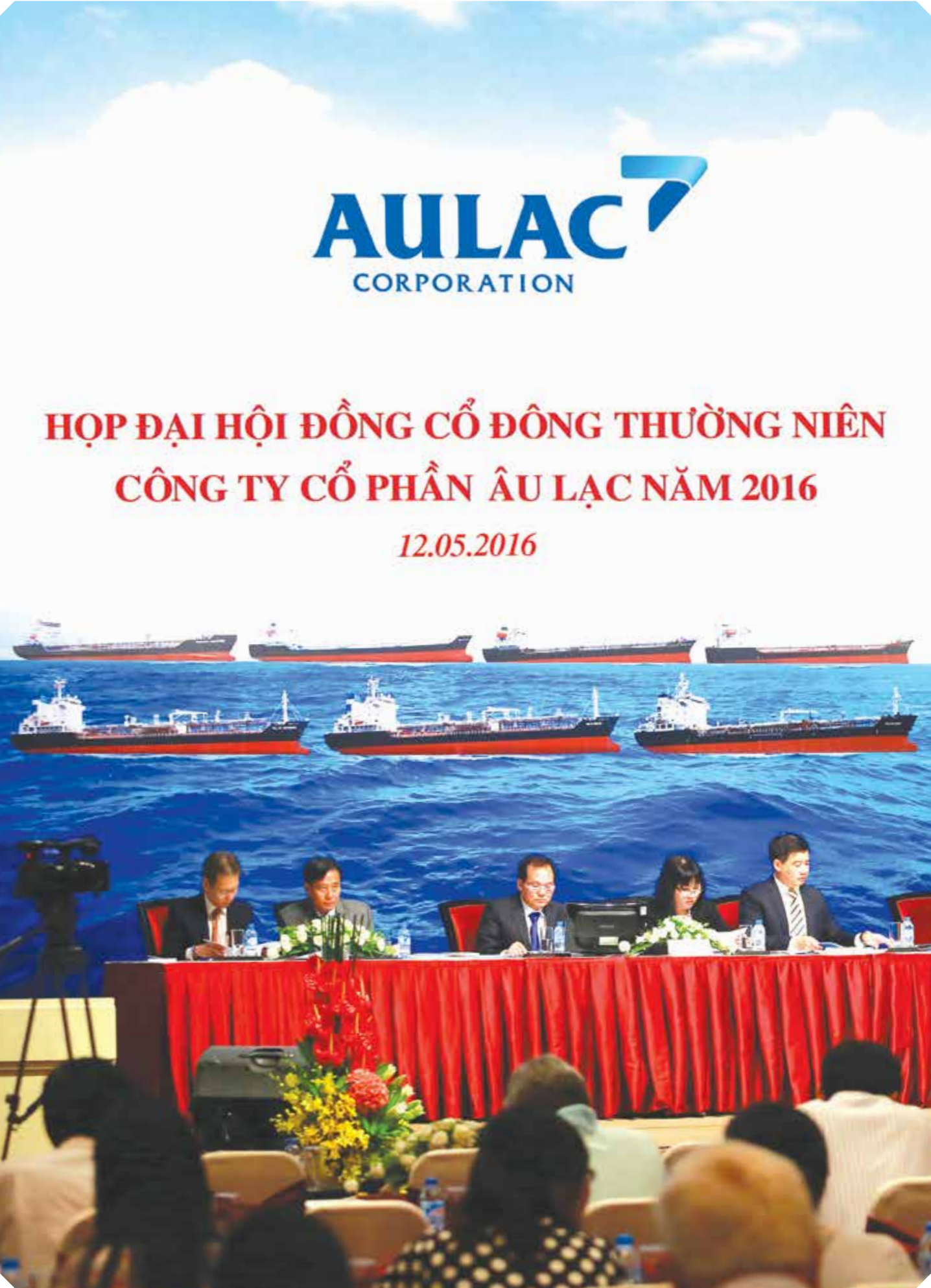
Shareholders' structure:

■ Domestic individuals	:	13,296,726
■ Domestic companies	:	4,425,141
■ Foreign investors and companies	:	12,566,440
■ Treasury shares	:	2,389,675



Major shareholders' structure:

■ Education Management Holdings Limited	:	12,375,890
■ Saigon Petro HCMC	:	1,728,610
■ Nguyen Anh Trinh	:	1,400,010
■ Petec Trading & Investment Corporation	:	1,170,530
■ Other shareholders	:	13,613,267
■ Treasury shares	:	2,389,675



Introduction of

BOARD OF DIRECTORS



BOARD OF DIRECTORS

2. Mr NGUYEN DUC HINH
Vice Chairman

1. Ms NGO THU THUY
Chairwoman

4. Mr MAI VAN TUNG
Member

3. Mr DANG VINH SANG
Member

5. Ms TRAN NGOC ANH DAO
Member

Introduction of

BOARD OF SUPERVISORS



BOARD OF SUPERVISORS

4. Ms DANG THI HONG LOAN
Member

1. Mr HUYNH DUC TRUONG
Head of The Board

2. Mr PHAN VINH KHA
Member

3. Ms NGUYEN DINH THUY TIEN
Member

Introduction of
BOARD OF MANAGEMENT



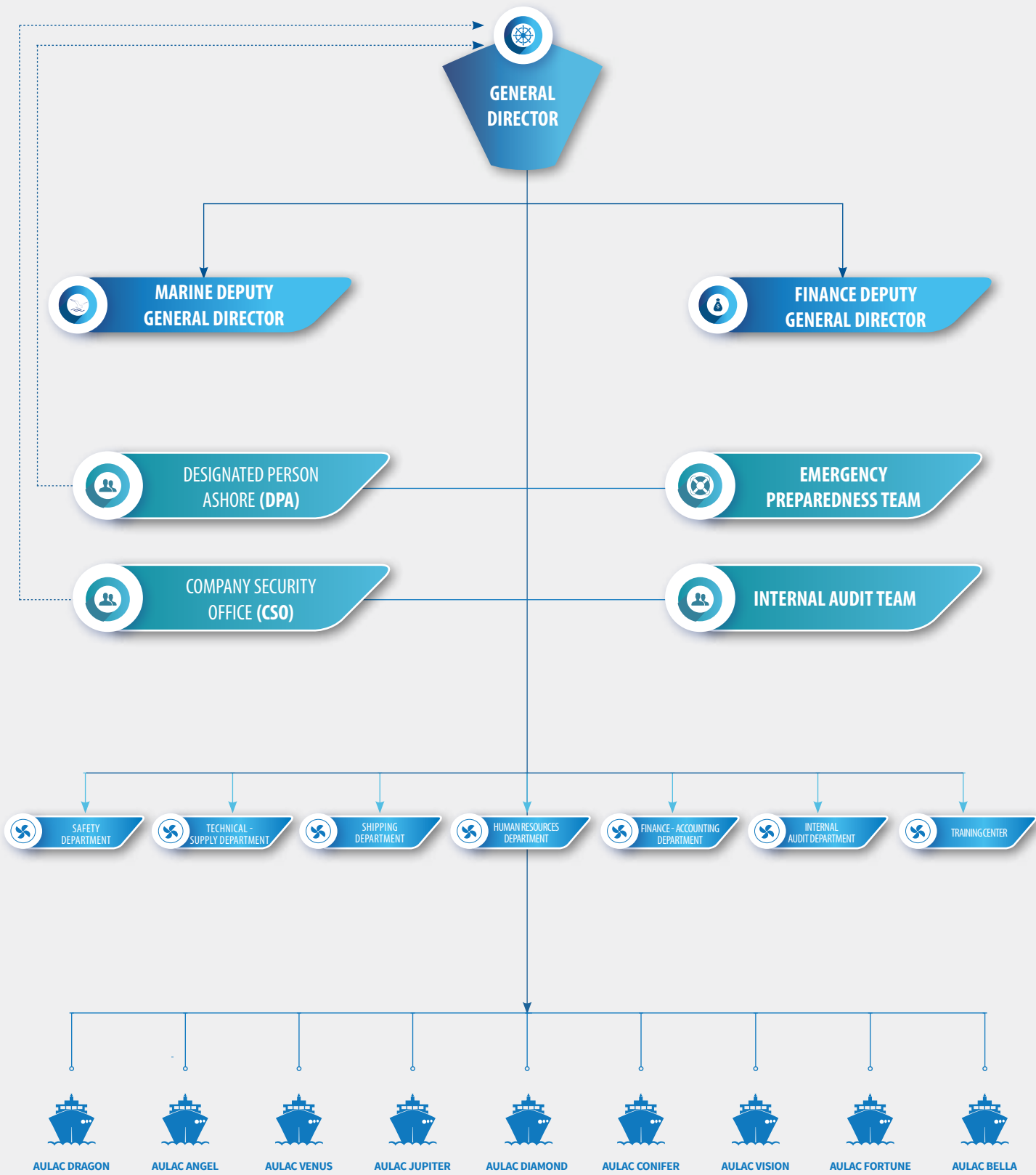
BOARD OF MANAGEMENT

3. Mr HO VAN THIEN
Deputy General Director

1. Mr MAI VAN TUNG
General Director

2. Mr LE HONG SON
Deputy General Director

Organizational
CHART





2

With the best efforts from Board of Directors, Board of Management, all the staffs, and crew members, the Company has steadily overcome the difficulties and achieved the outstanding results, which is 118% of profit after tax in comparison to the business plan.

Business PERFORMANCE

Board of Management report	74
The Supervisory Board's report	78
Report on crew quality and training	80
The company's orientation in 2017	86



Mr. MAI VAN TUNG - GENERAL DIRECTOR

742.6

BILLION VND

TRANSPORTATION REVENUE

2016 BUSINESS OPERATION AND PERFORMANCE REVIEW

2016 IS A DIFFICULT AND CHALLENGING YEAR FOR SHIPPING INDUSTRY IN GENERAL AND AULAC CORPORATION IN PARTICULAR, FACING MANY CHALLENGES THROUGHOUT THE YEAR, THE BOARD OF MANAGEMENT WITH ALL THE STAFFS AND CREW MEMBERS STEP IN UNITY, DETERMINE TO BRING THE COMPANY FORWARD. THE ACHIEVEMENTS OF THE COMPANY DURING THE YEAR ARE AS FOLLOWS:



FLEET DEVELOPMENT, REVENUE GROWTH

With the policy to rejuvenate the fleet, step by step restructure all China made vessels with high quality Japan and Korea made vessels, in 2016, the Company successfully invested and operated two new vessels which are Aulac Fortune and Aulac Bella, bringing the total number of vessels in the Au Lac fleet to nine. As a result, revenue in 2016 continued to grow, reaching VND 742.6 billion, increase 7% in compare to 2015. As of 31/12/2016, total assets of the Company increased 178% to VND 2,100 billion compared to 2015 which is 1,191 billion VND.

At present, Au Lac Corporation is regarded as one of the leading shipping companies in Vietnam with high quality of service, professional crews of international standards, a strategic partner, reliable and the first choice of domestic as well as international customers.

PIONEER IN THE INSTALLATION OF BALLAST WATER TREATMENT SYSTEMS IN ACCORDANCE WITH THE STANDARDS OF THE INTERNATIONAL CONVENTIONS

In the past year, the Company has performed periodic maintenances for three vessels according to annual plan, becomes the first company in Vietnam to pioneer the installation of ballast water treatment systems (BWTS) in accordance with The International Convention for the Control and Management of Ships' Ballast Water and Sediments. It is expected that in the following years, the Aulac's fleet will all be equipped with ballast water management system in periodic dry-dock maintenances; comply fully all the provisions of the international conventions.

135.8

BILLION VND

IN PROFIT BEFORE TAX, ACHIEVING 118%
BUSINESS PLAN APPROVED IN THE GENERAL
MEETING OF SHAREHOLDERS.



**FLUCTUATIONS OF THE PETRO-
LEUM MARKET**

The world has seen a recession in the profits of big leaders in the shipping sector. The Baltic Index for the tanker industry (BCIY) shows that the market for 2016 has dropped to a record in five years. The petrol market is still abnormal, fluctuating constantly causing sellers as well as importers to be afraid of transactions. The market situation is difficult, the booking cancellation happened more frequently than previous years, making it difficult for the company to operate.

**THE RISK OF PIRATES RISING
IN SOUTHEAST ASIA**

According to the International Maritime Bureau report, in 2016, piracy still raging in the area with high frequency, including 12 plots to attack, 7 cases of ship detention or kidnapping crew members. The piracy situation has become dangerous, the safety of the Aulac's crew is always the top priority of the Company, therefore, the Company

actively equipped the vessels with more effective means against piracy, increased patrol, joined international anti-piracy organizations to ensure the safety of seafarers, ships and cargo.

INTERNATIONAL CONVENTIONS

The new regulation of Maritime Labor Convention (MLC) 2006 on financial security and the shipowner's obligations takes effect as of January 18 2017.

The International Convention for the Control and Management of Ships' Ballast Water and Sediments (BWM Convention) entered into effective as of 08/09/2017 requiring all vessels over 400 DWT to install ballast water treatment systems to ensure requirement to operate on international waters.

Aulac Corporation always complies with the International conventions to ensure the operational efficiency as well as ensure the legal status of the fleet when operating on international waters. However, compliance with the above conventions will incur additional

operating expenses, which in part will affect the business results of the Company in 2017.

BUNKER PRICES SOAR

After two years of decline, bunker prices since the end of 2016 have started to rise again, according to economic forecasts, in 2017 fuel prices will increase compared to 2016, rising bunker prices will also affect the company's profitability in 2017.

With the above difficulties, under close supervision, with proper development strategy from the Board of Directors and the effective management of the Board of Management, together with the dedication, enthusiasm and responsibility of all employees, crew members, Aulac Corporation will overcome the difficulties and continue to succeed in 2017.



PROFIT GROWTH

With the above achievements, profit before tax of the Company in 2016 reached 135.8 billion, increased 17.6% compared to the approved plan of the General Meeting of Shareholders. With the difficulties and challenges in 2016, this result shows the effort, responsibility, hard-working to overcome the difficulties of the Company.

**IN ADDITION TO THE ADVANTAGES,
THERE ARE DIFFICULTIES OF
THE SHIPPING SECTOR AND NEW
CHALLENGES IN 2017:**

PERFORMING THE FUNCTIONS AND DUTIES OF THE SUPERVISORY BOARD UNDER THE ENTERPRISE LAW AND THE OPERATING AND ORGANIZING CHARTER OF AULAC CORPORATION, THE SUPERVISORY BOARD WOULD LIKE TO REPORT THE ACTIVITIES IN 2016, AS FOLLOWS:



ACTIVITIES AND SUPERVISING RESULTS IN 2016

In the last year, the Supervisory Board has implemented proper functioning powers and duties stipulated in the Enterprise Law, The operating and organizing charter of the Company. The Supervisory Board has not only set up plan, organizing working program and assigned specific tasks to each member but also inspected and controlled important matters, in particular :

- » Supervising the implementation of the resolutions of the General Meeting of Shareholders 2016.
- » Supervising the Board of Directors through BOD's meeting minutes and resolutions.
- » Inspecting the 2016 half-year audited financial report of the Company.



COMMENTS AND REMARKS OF THE SUPERVISORY BOARD

- » Aulac Corporation has fully and consistently complied with the Vietnamese Accounting Standards (VAS) and the current Vietnamese corporate accounting regime in terms of preparation and presentation of the Half-year and Annual Financial Statements 2016.
- » The Board of Directors has brought directions, administered positively and fiercely in order to exceed the plan set by the General Meeting of Shareholders.
- » The activities, the policies and the resolutions of the Board of Directors complied with the resolutions of the General Meeting of Shareholders, the Company's charter and applicable Vietnamese laws and regulations.

- » The Board of Management and all staffs of the Company have made great efforts to exceed the business plan proposed by the General Meeting of Shareholders in 2016, which contributes to bring benefits to the Shareholders. The Supervisory Board highly appreciated these efforts.
- » The Board of Management has implemented the resolutions of the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors, the Company's charter in compliance with provisions of law.
- » Periodically attend Board of Directors meetings.
- » Review and supervise other activities when requested by the Board of Directors or qualified Shareholders in accordance to the Company Charter.
- » Examine and review twice per year the business results and review the execution of the resolutions which are proposed in the General Meeting of Shareholders and the resolution of the Board of Directors.
- » Review, verify the result of business reports, financial statements in 2017 and report to the Annual General Assembly of Shareholders.

ACTIVITY PLAN OF THE SUPERVISORY BOARD IN 2017

In 2017, the Supervisory Board will maintain controlling activities regularly and periodically in accordance with the Company's charter and operating regulations of the Supervisory Board, as follows:

On the behalf of the Supervisory Board

HUYNH DUC TRUONG
Head of Supervisory Board

THE HUMAN
Factor
IS KEY TO SUCCESS



283
CREW MEMBERS

TRAINING CENTER IS ALSO STRENGTHENING TRAINING ACTIVITIES TO ENHANCE PROFESSIONAL KNOWLEDGE, SKILLS, MANAGEMENT CAPABILITY FOR OFFICERS, STAFFS AND CREW MEMBERS.



20
OFFICERS AND CREW
MEMBERS HAVE BEEN PROMOTED



33
TRAINING COURSES
IN 2016



”

HUMAN RESOURCES ARE THE MOST VALUABLE ASSET OF AULAC CORPORATION. THE COMPANY ALWAYS FOCUSES ON BUILDING, TRAINING THE MANAGING LEVEL AND PROFESSIONAL CREW TO BRING AULAC TO SUSTAINABLE DEVELOPMENT.



62 OFFICE STAFFS



227 GRADUATE AND COLLEGE

345
STAFFS



345
STAFFS
TOTAL NUMBER OF STAFFS AND CREW
MEMBERS AT 31/12/2016.



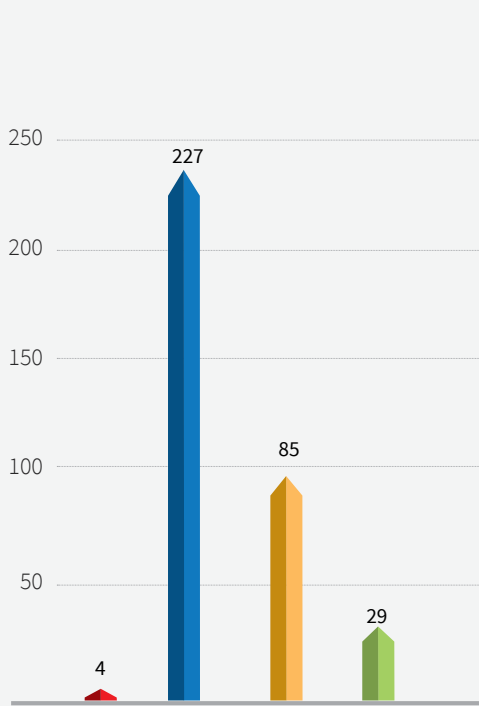
REPORT ON CREW QUALITY AND TRAINING

Boost training programs and improve the quality of staffs and crew members of Aulac Corporation.

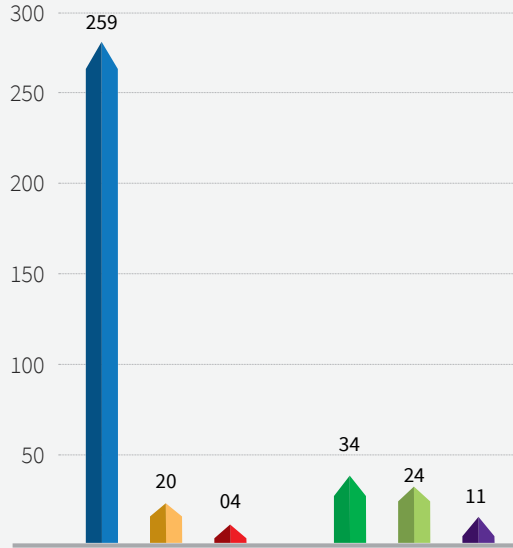
The focus on staff and crew members training in 2016 has increased Company professionalism, ensuring service quality provided, and raising the staffs and crew members' competency to meet Company's standards.

HUMAN RESOURCE POLICIES IN 2015

Throughout 2016, in order to satisfy the demand of high quality human resource, the Training center has been implementing the following programs:



Level of education:		
Post-graduate	:	4
Graduate and College	:	227
Junior college	:	85
High school	:	29



Crew Competency		
Excellence & Good	:	259
Average	:	20
Below average	:	04

On-board training crew competency		
Excellent	:	34
Good	:	24
Average	:	11

- » Trained and promoted for 20 Officers, crew members.
- » Conducted training with essential contents to many onboard crew members and officers, such as 11 courses of Electronic Chart Display Information System training for 32 crew members; 13 compliance courses in accordance with Shell guidance for 152 crew members; and introduction programs for new 63 crew members in compliance with Aulac's standards.
- » Organized 09 classes of Marine English and issued relevant certificates for 139 officers and crew members.
- » Organized 2 training courses on Accident Investigation and Risk Identification for office staffs.



The company's
ORIENTATION IN 2017

Prioritize the replacement of China built vessels by Korean and Japan built vessels in 2017.

**PRIMARY TARGETS
OF THE COMPANY**



Continue to complete and improve the quality of Company's Safety Management System in accordance with TMSA standards, to meet the international standards and comply with international maritime conventions as well as updated decrees and regulations in order to ensure the safe operation of the company fleet.



Enhance the recruitment of crew members according to Company's criteria; promote the training of crew members by engaging them in activities with simulators and practicing so that crews are able to quickly grasp knowledge which qualified the requirement of the Company.



Continue to improve the professionalism and quality of all staffs and crew members via training and recruitment programs.



Promptly replace China built vessels by high quality vessels built in Korean/ Japan at reasonable price; minimize operation risks and to meet Company mid and long term business strategy.



Continue to find more potential domestic and foreign customers, along with provide good customer services, especially to loyal customers to gain long term contracts.



Gradually diversify Company's business activities in the field of maritime shipping and other energy related sectors such as petrochemicals.



3

Continue to improve the professionalism and quality of all staffs and crew memberprogramss via training and recruitment .

Financial STATEMENTS

General Information	90
Independent auditor's report	92
Balance sheet	94
Income statement	96
Cash flow statement	97
Notes to financial statements	98

CORPORATE INFORMATION

Enterprise Registration

Certificate No. 0302704796 dated 4 September 2002 was initially issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City and the 18th amendment dated 14 March 2016

Board of Directors	Ms Ngo Thu Thuy	Chairwoman
	Mr Nguyen Duc Hinh	Vice Chairman (Appointed on 16 June 2016)
	Mr Dang Vinh Sang	Member
	Mr Mai Van Tung	Member
	Ms Tran Ngoc Anh Dao	Member (Appointed on 27 July 2016)
	Mr Le Minh Quoc	Vice Chairman (Resigned on 16 June 2016)
	Mr Ngo Thanh Tung	Member (Resigned on 27 July 2016)

Board of Supervision	Mr Huynh Duc Truong	Chief Supervisor
	Ms Nguyen Dinh Thuy Tien	Member
	Ms Dang Thi Hong Loan	Member

Board of Management	Mr Phan Vinh Kha	Member
	Mr Mai Van Tung	General Director
	Mr Le Hong Son	Deputy General Director

Legal representatives	Mr Ho Van Thien	Deputy General Director
	Ms Ngo Thu Thuy	Chairwoman

Registered office	Mr Mai Van Tung	General Director
	No. 159, Truong Van Bang Street, Thanh My Loi Ward	

Auditor	District 2, Ho Chi Minh City, Vietnam
---------	---------------------------------------

PricewaterhouseCoopers (Vietnam) Limited

STATEMENT OF THE RESPONSIBILITY OF MANAGEMENT OF THE COMPANY
IN RESPECT OF THE FINANCIAL STATEMENT

Management of Aulac Corporation (“the Company”) is responsible for preparing financial statement which give a true and fair view of the financial position of the Company as at 31 December 2016 and the results of its operations and cash flows for the year then ended. In preparing these financial statement, the management is required to:

- select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- make judgements and estimates that are reasonable and prudent; and
- prepare the financial statements on a going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue in business.

Management is responsible for ensuring that proper accounting records are kept which disclose, with reasonable accuracy at any time, the financial position of the Company and which enable financial statement to be prepared which comply with the basis of accounting set out in Note 2 to the financial statement. Management is also responsible for safeguarding the assets of the Company and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

APPROVAL OF THE FINANCIAL STATEMENT

We hereby approve the accompanying financial statement as set out on pages 5 to 29 which give a true and fair view of the financial position of the Company as at 31 December 2016 and of the results of its operations and cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Corporate Accounting System and applicable regulations on preparation and presentation of financial statement.

On behalf of the Board of Management

MAI VAN TUNG
Legal Representative cum General Director
27 March 2017

INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT
TO THE SHAREHOLDERS OF AULAC CORPORATION



We have audited the accompanying financial statement of Aulac Corporation (“the Company”), which were prepared on 31 December 2016 and approved by the Board of Management on 27 March 2017. The financial statement comprises the balance sheet as at 31 December 2016, the income statement and cash flow statement for the year then ended, and explanatory notes to the financial statement including significant accounting policies, as set out on pages 98 to 117.

Management's Responsibility

Management of the Company is responsible for the preparation and the true and fair presentation of these financial statement in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Corporate Accounting System and applicable regulations on preparation and presentation of financial statement and for such internal control which management determines is necessary to enable the preparation and fair presentation of financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditor's Responsibility

Our responsibility is to express an opinion on the financial statement based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical standards and requirements and plan and perform the audit in order to obtain reasonable assurance as to whether the financial statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the financial statement. The procedures selected depend on the auditor's judgment, including an assessment of the risks of material misstatement of the financial statement, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the entity's preparation and true and fair presentation of the financial statement in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the entity's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by management, as well as evaluating the overall presentation of the financial statement.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

Auditor's Opinion

In our opinion, the financial statement present fairly, in all material respects, the financial position of the Company as at 31 December 2016, its financial performance and cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Corporate Accounting System and applicable regulations on preparation and presentation of financial statements.

Other matter

The financial statements of the Company for the year ended 31 December 2015 were audited by another auditor whose audit report dated 10 March 2016 expressed an unqualified opinion.

For and on behalf of PricewaterhouseCoopers (Vietnam) Limited



Richard Peters
Audit Practising Licence No.
0561-2013-006-1
Authorised signatory



Lai Hung Phuong
Audit Practising Licence No.
2432-2013-006-1

Review report reference number: HCM5911
Ho Chi Minh City, 27 March 2017

As indicated in Note 2.1 to the financial statements, the accompanying financial statements are not intended to present the financial position, results of operations and cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries and jurisdictions other than SR Vietnam, and furthermore their utilisation is not designed for those who are not informed about SR Vietnam's accounting principles, procedures and practices.

BALANCE SHEET

As at 31 December 2016

Form B 01 – DN

			VND	
Code	ASSETS	Note	2016	2015
100	CURRENT ASSETS		579,575,449,593	186,374,534,214
110	Cash and cash equivalents	3	30,701,957,563	66,452,162,892
111	Cash		27,401,957,563	17,952,162,892
112	Cash equivalents		3,300,000,000	48,500,000,000
120	Short-term investments		150,000,000,000	22,000,000,000
123	Investments held to maturity	4(a)	150,000,000,000	22,000,000,000
130	Short-term receivables		244,761,802,478	25,385,468,082
131	Short-term trade accounts receivable	5	41,113,058,705	19,959,127,468
132	Short-term prepayments to suppliers	6	41,466,955,829	4,154,317,156
135	Short-term loan receivable	7	150,000,000,000	-
136	Other short-term receivables	8	13,330,501,555	2,420,737,069
137	Provision for doubtful debts – short term		(1,148,713,611)	(1,148,713,611)
140	Inventories	9	70,751,551,870	40,527,767,866
141	Inventories		70,751,551,870	40,527,767,866
150	Other current assets		83,360,137,682	32,009,135,374
151	Short-term prepaid expenses	12(a)	2,534,234,955	2,088,724,376
152	Value Added Tax to be reclaimed	14(b)	80,825,902,727	29,920,410,998
200	LONG-TERM ASSETS		1,542,628,668,725	1,004,868,901,981
210	Long-term receivables		4,610,000,000	4,605,000,000
216	Other long-term receivables		4,610,000,000	4,605,000,000
220	Fixed assets		1,481,118,363,307	965,783,397,517
221	Tangible fixed assets	10(a)	1,481,118,363,307	965,783,397,517
222	Cost		2,268,030,822,158	1,592,667,525,889
223	Accumulated depreciation		(786,912,458,851)	(626,884,128,372)
227	Intangible fixed assets	10(b)	-	-
228	Cost		65,500,000	83,435,669
229	Accumulated amortisation		(65,500,000)	(83,435,669)
240	Long-term assets in progress		70,400,000	10,716,846,739
242	Construction in progress	11	70,400,000	10,716,846,739
250	Long-term investments	4(b)	4,971,886,228	5,073,925,500
253	Investments in other entities		9,874,000,000	9,874,000,000
254	Provision for long-term investments		(4,902,113,772)	(4,800,074,500)
260	Other long-term assets		51,858,019,190	18,689,732,225
261	Long-term prepaid expenses	12(b)	51,858,019,190	18,689,732,225
270	TOTAL ASSETS		2,122,204,118,318	1,191,243,436,195

			VND	
Code	RESOURCES	Note	2016	2015
300	LIABILITIES		1,331,609,502,547	462,222,337,417
310	Short-term liabilities		673,936,498,906	144,278,184,949
311	Short-term trade accounts payable	13	50,421,818,697	23,760,189,994
312	Short-term advances from customers		-	3,342,920,326
313	Tax and other payables to the State budget	14(a)	5,143,128,105	9,961,016,490
314	Payable to employees		4,021,085,827	6,193,109,235
315	Short-term accrued expenses		1,797,948,334	1,873,710,681
319	Other short-term payables	15	11,983,043,378	5,116,983,052
320	Short-term borrowings	16(a)	587,452,990,067	84,557,515,703
322	Bonus and welfare funds	17	13,116,484,498	9,472,739,468
330	Long-term liabilities		657,673,003,641	317,944,152,468
338	Long-term borrowings	16(a)	657,673,003,641	317,944,152,468
400	OWNERS' EQUITY		790,594,615,771	729,021,098,778
410	Capital and reserves		790,594,615,771	729,021,098,778
411	Owners' capital	18, 19	326,779,820,000	326,779,820,000
411a	- Ordinary shares with voting rights		326,779,820,000	326,779,820,000
412	Share premium	19	254,725,820,000	254,725,820,000
415	Treasury shares	19	(28,421,330,700)	(28,421,330,700)
418	Investment and development funds	19	64,154,713,815	55,480,871,495
421	Undistributed earnings	19	173,355,592,656	120,455,917,983
421a	- Undistributed post-tax profits of the previous years		83,536,018,012	22,571,991,880
421b	- Post-tax profit of the current year		89,819,574,644	97,883,926,103
440	TOTAL RESOURCES		2,122,204,118,318	1,191,243,436,195

LE HAI ANH
Preparer

HO VAN THIEN
Chief Accountant



MAI VAN TUNG
General Director

27 March 2017

The notes on pages 98 to 117 are an integral part of these financial statements.

The notes on pages 98 to 117 are an integral part of these financial statements.

INCOME STATEMENT

For the year ended 31 December 2016

Form B 02 – DN

			VND	
Code		Note	2016	2015
01	Revenue from rendering of services	21	742,577,130.848	695,528,254,618
02	Less deductions		-	-
10	Net revenue from rendering of services		742,577,130,848	695,528,254,618
11	Cost of services rendered	22	(543,320,251,453)	(475,374,459,501)
20	Gross profit		199,256,879,395	220,153,795,117
21	Financial income	23	14,212,515,777	5,581,762,377
22	Financial expenses	24	(44,737,749,610)	(27,612,682,140)
23	- Including: Interest expenses		(31,490,305,374)	(15,609,181,461)
25	Selling expenses	25	(13,379,597,327)	(13,083,162,621)
26	General and administration expenses	26	(38,956,779,392)	(34,762,115,597)
30	Net operating profit		116,395,268,843	150,277,597,136
31	Other income		19,657,808,020	2,598,417,746
32	Other expenses		(287,454,733)	(1,248,303,215)
40	Net other income	27	19,370,353,287	1,350,114,531
50	Net accounting profit before tax		135,765,622,130	151,627,711,667
51	Business income tax – current	28	(27,342,593,136)	(36,470,151,546)
52	Business income tax – deferred		-	-
60	Net profit after tax		108,423,028,994	115,157,560,121
70	Basic earnings per share	29(a)	3,329	3,408
71	Diluted earnings per share	29(b)	2,005	3,408



LE HAI ANH
Preparer



HO VAN THIEN
Chief Accountant



MAI VAN TUNG
General Director

27 March 2017

The notes on pages 98 to 117 are an integral part of these financial statements.

CASH FLOW STATEMENT (Indirect method)

For the year ended 31 December 2016

Form B 03 – DN

		VND	
Code	Note	2016	2015
CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES			
01	Net profit before tax	135,765,622,130	151,627,711,667
Adjustments for:			
02	Depreciation	165,058,274,672	129,416,976,094
03	Provisions	102,039,272	300,527,314
04	Unrealised foreign exchange losses	12,095,627,526	9,929,419,141
05	Gains on investing activities	(32,711,475,426)	(3,914,027,802)
06	Interest expenses	31,490,305,374	15,609,181,461
08	Operating profit before changes in working capital	311,800,393,548	302,969,787,875
09	Increase in receivables	(120,035,092,703)	(4,268,199,766)
10	Increase in inventories	(30,223,784,004)	(701,103,387)
11	Increase/(decrease) in payables	3,577,148,807	(3,075,275,832)
12	(Increase)/decrease in prepaid expenses	(22,967,350,805)	2,569,748,244
14	Interest paid	(26,386,801,483)	(15,609,181,461)
15	Business income tax paid	14	(31,394,263,649)
16	Other receipts from operating activities	-	-
17	Other payments on operating activities	(12,917,459,971)	(3,000,074,939)
20	Net cash inflows from operating activities	71,452,789,740	250,748,773,466
CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES			
21	Purchases of fixed assets and other long-term assets	(688,226,664,947)	(237,065,478,793)
22	Proceeds from disposals of fixed assets and other long-term assets	27,265,454,545	-
23	Term deposits	(365,000,000,000)	(27,000,000,000)
24	Collection of term deposits	87,000,000,000	5,000,000,000
26	Proceeds from divestment in other entities	-	613,000,000
27	Interest received	13,279,445,366	3,914,027,802
30	Net cash outflows from investing activities	(925,681,765,036)	(254,538,450,991)
CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES			
32	Payments for share returns and repurchases	-	(23,248,479,700)
33	Proceeds from borrowings	1,357,223,063,355	363,803,532,843
34	Repayments of borrowings	(514,598,737,818)	(347,657,513,943)
36	Dividends paid	15	(28,801,677,436)
40	Net cash inflows/(outflows) from financing activities	813,822,648,101	(38,390,029,840)
50	Net decrease in cash and cash equivalents	(40,406,327,195)	(42,179,707,365)
60	Cash and cash equivalents at beginning of year	3	66,452,162,892
61	Effect of foreign exchange differences		4,656,121,866
70	Cash and cash equivalents at end of year	3	30,701,957,563



LE HAI ANH
Preparer



HO VAN THIEN
Chief Accountant



MAI VAN TUNG
General Director

27 March 2017

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

For the year ended 31 december 2016

1 GENERAL INFORMATION

Aulac Corporation (“the Company”) was established in SR Vietnam pursuant to the Enterprise Registration Certificate No. 0302704796 dated 4 September 2002 which was initially issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City. The latest amendment dated 14 March 2016.

The principal activity of the Company are domestic waterways, ocean and coastal transport of fuel, marine services – shipping business, shipping agents, marine transport agent services, custom procedures services and other related activities.

The normal business cycle of the Company is 12 months.

As at 31 December 2016, the Company had 345 employees (as at 31 December 2015: 311 employees).

2 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

2.1 Basis of preparation of financial statements

The financial statements have been prepared in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Corporate Accounting System and applicable regulations on preparation and presentation of financial statements. The financial statements have been prepared under the historical cost convention.

The accompanying financial statements are not intended to present the financial position and results of operations and cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries and jurisdictions other than Vietnam. The accounting principles and practices utilised in Vietnam may differ from those generally accepted in countries and jurisdictions other than Vietnam.

2.2 Fiscal year

The Company’s fiscal year is from 1 January to 31 December.

2.3 Currency

The financial statements are measured and presented in Vietnamese Dong (“VND”).

Transactions arising in foreign currencies are translated at exchange rates ruling at the transaction dates. Foreign exchange differences arising from these transactions are recognised in the income statement.

Monetary assets and liabilities denominated in foreign currencies at the balance sheet date are respectively translated at the buying and selling exchange rates at the balance sheet date of the bank where the Company regularly trades. Foreign currencies deposited in bank at the balance sheet date are translated at the buying exchange rate of the bank where the Company opens the foreign currency accounts. Foreign exchange differences arising from these translations are recognised in the income statement.

2.4 Cash and cash equivalents

Cash and cash equivalents comprise cash on hand, cash in bank, cash in transit, demand deposits and other short-term investments with an original maturity of three months or less.

2 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

2.5 Trade receivables

Trade receivables are carried at the original invoice amount less an estimate made for doubtful receivables based on a review by management of all outstanding amounts at the year end. Bad debts are written off when identified.

2.6 Inventories

Inventories are stated at the lower of cost and net realisable value. Cost is determined by the weighted average and first-in first-out method for tools and supplies and work in progress respectively, and includes all costs of purchase and other costs incurred in bringing the inventories to their present location and condition. Net realisable value is the estimated selling price in the normal course of business, less the estimated costs of selling expenses. Provision is made, where necessary, for obsolete, slow-moving and defective inventory items.

2.7 Investments

(a) Investments held-to-maturity

Investments held to maturity are investments which the Company’s Management has positive intention and ability to hold until maturity.

Investments held-to-maturity include term deposits and other held-to-maturity investments. Those investments are accounted for at cost less provision.

Provision for diminution in value of investments held to maturity is made when there is evidence that part or whole of the investment is uncollectible.

(b) Investments in other entities

Investments in other entities are investments in equity instruments of other entities without controlling rights or co-controlling rights, or without significant influence over the investee. These investments are initially recorded at cost. Provision for diminution in value of these investments is made when the entities make losses, except when the loss was anticipated in their business plan before the date of investment.

2.8 Fixed assets

Tangible and intangible fixed assets

Fixed assets are stated at historical cost less accumulated depreciation/amortisation. Historical cost includes expenditure that is directly attributable to the acquisition of the fixed assets.

Depreciation and amortisation

Fixed assets are depreciated and amortised using the straight-line over their estimated useful lives. The estimated useful lives are as follows:

Buildings and structures	25 years
Means of transportation	5 - 15 years
Machinery and equipment	3 - 5 years
Software	3 years

2 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

2.8 Fixed assets (continued)

Disposals

Gains or losses on disposals are determined by comparing net disposal proceeds with the carrying amount and are recognised as income or expense in the income statement.

2.9 Operating lease

Leases where a significant portion of the risks and rewards of ownership are retained by the lessor are classified as operating leases. Payments made under operating leases are charged to the income statement on a straight-line method basis over the term of the lease.

2.10 Prepaid expenses

Prepaid expenses include short-term or long-term prepayments on the balance sheet. Prepaid expenses are recorded at historical cost and allocated to expenses using the straight-line method over their estimated useful lives.

2.11 Payables

Classifications of payables are based on their nature as follows:

- Trade accounts payable are trade payables arising from the purchase of goods and services.
- Other payables include non-trade payables which are not relating to the purchase of goods and services.

Payables are classified into short-term or long-term on the balance sheet based on remaining period from the balance sheet date to the maturity date.

Provisions are recognised when: the Company has a present legal or constructive obligation as a result of past events; it is probable that an outflow of resources will be required to settle the obligation and the amount has been reliably estimated. Provision is not recognised for future operating losses.

Provisions are measured at the expenditures expected to be required to settle the obligation. If the time value of money is material, provision will be measured at the present value using a pre-tax rate that reflects current market assessments of the time value of money and the risks specific to the obligation. The increase in the provision due to passage of time is recognised as an interest expense.

2 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

2.12 Borrowing costs

Borrowing costs that are directly attributable to the construction or production of any qualifying assets are capitalised during the period of time that is required to complete and prepare the asset for its intended use. Other borrowing costs are recognised in the income statement when incurred.

2.13 Accrued expenses

Accrued expenses include liabilities for goods and services received in the period but not yet paid due to pending invoice or insufficient records and documents. Accrued expenses are recorded as expenses in the reporting period.

2.14 Convertible bonds

Convertible bonds are bonds that may be converted into common shares of the same issuer under the conditions identified in the bond issuance plan.

At initial recognition, the Company calculates and determines separately the value of the debt component and equity component of convertible bonds using the effective interest rate method. The debt component of convertible bonds is recorded as a liability. Subsequently, the Company regularly records bond interest using the effective interest rate.

2.15 Share capital

Contributed capital of the shareholders is recorded according to actual amount contributed. Contributions from owners are recorded according to par value of the share.

Share premium is the difference between the par value and the issue price of shares and the difference between the repurchase price and re-issuing price of treasury shares.

Treasury shares are shares issued by the Company and bought-back by itself, but these are not cancelled and shall be re-issued in the period.

Undistributed earnings record the Company's accumulated results after business income tax and after approval for appropriation to other funds at the Annual General Shareholders Meeting as at the reporting date.

2 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

2.16 Appropriation of net profit

Net profit after income tax could be distributed to shareholders after approval at the Annual General Shareholders Meeting, and after appropriation to other funds in accordance with the Company's charter and Vietnamese regulations.

The Company appropriates the net profit as below:

(a) Development and investment fund

Development and investment fund is appropriated from the Company's net profit after tax and subject to shareholders' approval at the Annual General Shareholders Meeting.

(b) Bonus and welfare fund

The bonus and welfare fund is appropriated from the Company's net profit after tax and subject to shareholders' approval at the Annual General Shareholders Meeting.

(c) Dividend distribution

Dividend of the Company is recognised as a liability in the Company's financial statements in the period in which the dividends are approved by the Annual General Shareholders Meeting.

2.17 Revenue recognition

(a) Revenue from rendering of services

Revenue from rendering of services is recognised in the income statement when the services are rendered, by reference to completion of the specific transaction assessed on the basis of the actual service provided as a proportion of the total services to be provided. Revenue from rendering of services is only recognised when all four (4) following conditions are satisfied:

- The amount of revenue can be measured reliably;
- It is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the Company;
- The percentage of completion of the transaction at the balance sheet date can be measured reliably; and
- The costs incurred for the transaction and the costs to complete the transaction can be measured reliably.

(b) Interest income

Interest income is recognised on an accrued basis.

(c) Dividend income

Income from dividend is recognised when the Company has established the receiving right from investees.

2 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

2.18 Cost of services rendered

Cost of services rendered is cost of services provided during the period, and recorded on the basis of matching with revenue and on prudent concept.

2.19 Financial income

Financial income is income incurred during the period for financial activities including income from deposits and gain from exchange rates.

2.20 Financial expenses

Financial expenses are expenses incurred in the period for financial activities including interest expenses, provision for diminution in value of investments in other entities and losses from exchange rates.

2.21 Selling expenses

Selling expenses represent expenses that are incurred in the process of providing services, which mainly include sale commissions.

2.22 General and administration expenses

General and administration expenses represent expenses for administrative purposes which mainly include salary expenses of administrative staffs, expenses of office materials, tools and supplies, depreciation of fixed assets used for administration and other cash expenses.

2.23 Current and deferred income tax

Income taxes include all income taxes which are based on taxable profits including profits generated from production and trading activities in other countries with which the Socialist Republic of Vietnam has not signed any double taxation agreement. Income tax expense comprises current tax expense and deferred tax expense.

Current income tax is the amount of income taxes payable or recoverable in respect of the current year taxable profits at the current year tax rate. Current and deferred tax should be recognised as an income or an expense and included in the profit or loss of the period, except to the extent that the tax arises from a transaction or event which is recognised, in the same or a different period, directly in equity.

Deferred income tax is provided in full, using the liability method, on temporary differences arising between the tax bases of assets and liabilities and their carrying amounts in the financial statements. Deferred income tax is not accounted for if it arises from initial recognition of an asset or liability in a transaction other than a business combination that at the time of occurrence affects neither the accounting nor the taxable profit or loss. Deferred income tax is determined at the tax rates that are expected to apply to the financial year when the asset is realised or the liability is settled, based on tax rates that have been enacted or substantively enacted by the balance sheet date.

Deferred income tax assets are recognised to the extent that it is probable that future taxable profit will be available against which the temporary differences can be utilised.

2 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

2.24 Earnings per share

Basic earnings per share is calculated by dividing the net profit attributable to shareholders after deducting the bonus and welfare fund by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year, excluding ordinary shares repurchased by the Company and held as treasury shares.

Diluted earnings per share is calculated by dividing the net profit attributable to shareholders, which already subtracted the bonus and welfare fund, by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year and the ordinary shares expected to be issued.

2.25 Related parties

Enterprises and individuals that directly, or indirectly through one or more intermediaries, control, or are controlled by, or are under common control with, the Company, including holding companies, subsidiaries and fellow subsidiaries are related parties of the Company. Associates and individuals owning, directly or indirectly, an interest in the voting power of the Company that gives them significant influence over the enterprise, key management personnel, including directors of the Company and close members of the family of these individuals and companies associated with these individuals also constitute related parties.

2.26 Segment reporting

A segment is a component which can be separated by the Company engaged in providing services (business segment), or providing services within a particular economic environment (geographical segment). Each segment is subject to risks and returns that are different from those of other segments.

Segment reporting is prepared and presented in accordance with accounting policies applied to the preparation and presentation of the Company's financial statements in order to help users of financial statements to understand and evaluate the situation the operations of the Company in a comprehensive way.

3 CASH AND CASH EQUIVALENTS

	VND	
	2016	2015
Cash on hand	977,048,148	655,744,924
Cash in bank	26,424,909,415	17,296,417,968
Cash equivalents (*)	3,300,000,000	48,500,000,000
	30,701,957,563	66,452,162,892

(*) Cash equivalents comprise term deposits at the commercial banks with an original maturity of three months or less.

4 INVESTMENTS

(a) Investments held to maturity

The short-term deposit at Vietnam Export Import Commercial Joint Stock Bank amounting to VND150 billion has the original maturity of six months at an interest rate of 6.5% per annum (2015: VND22 billion, 5.8% per annum). As at 31 December 2016, the short-term deposit was pledged as a loan security (Note 16(b)).

(b) Investments in other entities

	2016			2015		
	Cost	Provision	Net book value	Cost	Provision	Net book value
Nam Viet Saigon Petrol JSC	4,000,000,000	(650,400,000)	3,349,600,000	4,000,000,000	(650,400,000)	3,349,600,000
Petec Logistic JSC	2,700,000,000	(2,700,000,000)	-	2,700,000,000	(2,700,000,000)	-
Petec Trading and Investment Corporation	2,120,000,000	(1,395,057,532)	724,942,468	2,120,000,000	(1,379,272,000)	740,728,000
Petec Coffee JSC	745,000,000	(156,656,240)	588,343,760	745,000,000	(70,402,500)	674,597,500
PetroVietnam Oil Nam Dinh JSC	309,000,000	-	309,000,000	309,000,000	-	309,000,000
	9,874,000,000	(4,902,113,772)	4,971,886,228	9,874,000,000	(4,800,074,500)	5,073,925,500

Net book value of the investments are determined by the original cost less the estimated provision.

As at the balance sheet date, there was no fair value information available of these investments.

5 SHORT-TERM TRADE ACCOUNTS RECEIVABLE

	VND	
	2016	2015
Anglo premier shipping Pte Ltd.	22,213,566,375	-
Sinopec (Hongkong) Petroleum Holding Co Ltd.	5,338,592,875	-
Reliance Industries Ltd, Mumbai, India	4,766,600,781	-
PTT International Trading Pte Ltd.	-	8,755,500,000
Petrolimex Singapore Pte Ltd.	-	5,567,720,107
PetroChina International (Singapore) Pte Ltd.	-	4,487,193,750
Others	8,794,298,674	1,148,713,611
	41,113,058,705	19,959,127,468

6 SHORT-TERM PREPAYMENTS TO SUPPLIERS

		VND
	2016	2015
Prepayment to a third party for purchasing shares (*)	40,000,000,000	-
Others	1,466,955,829	4,154,317,156
	41,466,955,829	4,154,317,156

(*) The prepayment is to purchase 3,055,000 shares of Asia Commercial Joint Stock bank by off-floor transactions and the contract value amounts to VND 59,987,980,000.

7 SHORT-TERM LOAN RECEIVABLE

A loan to a third party which earns an interest rate of 9% per annum and is repayable by 29 September 2017. The loan is secured by 15 million shares of Vietnam Export Import Commercial Joint Stock Bank which have been registered and blocked held collateral by RongViet Securities Corporation and is amounting to VND156 billion at market value.

8 OTHER SHORT TERM RECEIVABLES

		VND
	2016	2015
Advance to employees	6,438,924,701	386,278,225
Accrued interest income	4,893,000,000	-
Others	1,998,576,854	2,034,458,844
	13,330,501,555	2,420,737,069

9 INVENTORIES

		VND
	2016	2015
Tool and supplies	34,051,728,398	23,867,815,362
Work in progress (*)	36,699,823,472	16,659,952,504
	70,751,551,870	40,527,767,866

(*) The work in progress represents fuel in use on the Company's fleets as at the balance sheet date.

10 FIXED ASSETS

(a) Tangible fixed assets

	Buildings and structures	Means of transportation	Machinery and equipment	VND
				Total
Historical cost				
As at 1 January 2016	12,399,011,818	1,579,516,968,329	751,545,742	1,592,667,525,889
New purchases	-	687,907,694,033	318,970,914	688,226,664,947
Disposal	(12,399,011,818)	-	(464,356,860)	(12,863,368,678)
As at 31 December 2016	-	2,267,424,662,362	606,159,796	2,268,030,822,158
Accumulated depreciation				
As at 1 January 2016	4,298,320,000	621,874,582,832	711,225,540	626,884,128,372
Charge for the year	267,267,333	164,712,532,018	78,475,321	165,058,274,672
Disposal	(4,565,587,333)	-	(464,356,860)	(5,029,944,193)
As at 31 December 2016	-	786,587,114,850	325,344,001	786,912,458,851
Net book value				
As at 1 January 2016	8,100,691,818	957,642,385,497	40,320,202	965,783,397,517
As at 31 December 2016	-	1,480,837,547,512	280,815,795	1,481,118,363,307

As at 31 December 2016, fixed assets with a carrying value of VND1,094 billion (as at 31 December 2015: VND663 billion) had been pledged with banks for borrowings (Note 16(b)).

As at 31 December 2016, the cost of tangible fixed assets that was fully depreciated but still in use was VND795 million (as at 31 December 2015: VND784 million).

(b) Intangible fixed assets

As at 31 December 2016 and 31 December 2015, intangible fixed assets comprised computer software which were fully depreciated but still in use.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

for the year ended 31 december 2016

Form B09-DN

11 CONSTRUCTION IN PROGRESS

		VND
	2016	2015
Overhauls of fixed assets	-	10,194,518,595
Others	70,400,000	522,328,144
	70,400,000	10,716,846,739

12 PREPAID EXPENSES

		VND
	2016	2015
(a) Short-term		
Insurance fees	2,209,992,609	2,088,724,376
Office rental	324,242,346	-
	2,534,234,955	2,088,724,376
(b) Long-term		
Maintenance costs	50,673,445,275	18,689,732,225
Office renovation	1,184,573,915	-
	51,858,019,190	18,689,732,225

13 SHORT-TERM TRADE ACCOUNTS PAYABLE

		VND
	2016	2015
Standard Maritime Pte., Ltd.	22,399,130,150	1,416,763,638
Vosco Trading and Service JSC	5,726,345,372	2,526,948,000
Others	22,296,343,175	19,816,478,356
	50,421,818,697	23,760,189,994

14 TAX AND OTHER PAYABLES/RECEIVABLES TO/FROM THE STATE BUDGET

(a) Payables

	As at 1,1,2016	Payable	Payment	VND
				As at 31.12.2016
Current business income tax	8,785,520,188	27,342,593,136	(31,394,263,649)	4,733,849,675
Personal income tax	1,175,496,302	3,789,041,090	(4,555,258,962)	409,278,430
	9,961,016,490	31,131,634,226	(35,949,522,611)	5,143,128,105

(b) Receivables

Receivables comprise Value Added Tax to be reclaimed from purchasing two new fleets and from business activities of the Compan.

15 OTHER SHORT-TERM PAYABLES

		VND
	2016	2015
Commission fees	3,847,651,472	2,104,759,777
Accrued interests	3,305,555,557	-
Dividends payable (*)	2,250,407,100	1,648,692,507
Others	2,579,429,249	1,363,530,768
	11,983,043,378	5,116,983,052

(*) Movement of dividends payable is as follows:

		VND
	2016	2015
Opening balance	1,648,692,507	1,498,235,547
Dividends declared (Note 19)	30,288,307,000	31,438,026,000
Dividends paid	(28,801,677,436)	(31,287,569,040)
Others	(884,914,971)	-
Closing balance	2,250,407,100	1,648,692,507

16 BORROWINGS

(a) By term

		VND
	2016	2015
Short-term		
Convertible bonds	200,000,000,000	-
Bank loans	261,974,499,928	36,331,468,671
Current portion of long-term bank loans	125,478,490,139	48,226,047,032
	587,452,990,067	84,557,515,703
Long-term		
Bank loans Current portion of	783,151,493,780	366,170,199,500
Current portion of long-term bank loans	(125,478,490,139)	(48,226,047,032)
	657,673,003,641	317,944,152,468

16 BORROWINGS (continued)

(b) Movement of borrowings

	As at 1.1.2016	Proceed	Repayment	VND As at 31.12.2016
Short-term convertible bonds (*)	-	200,000,000,000	-	200,000,000,000
Short-term bank loans (**)	36,331,468,671	711,199,417,172	(485,556,385,915)	261,974,499,928
Long-term bank loans (**)	366,170,199,500	446,023,646,183	(29,042,351,903)	783,151,493,780
	402,501,668,171	1,357,223,063,355	(514,598,737,818)	1,245,125,993,708

(*) Details of convertible bonds as at 31 December 2016 are as follows:

According to Resolution of the Annual General Shareholders Meeting, the Company completed the issuance of 2,000,000 convertible bonds at par value of VND100,000 per bond to Duc Hieu Investment and Development JSC for the purpose of developing the fleets and investing in other business activities.

The bonds have a term of 12 months, bear interest at the fixed rate of 7% per annum which is paid on a quarterly basis from the issue date. The bond can be converted into shares twice in 6 months and 12 months from the issue date at the conversion rate of 50%. The conversion price is VND10,000 per share and the conversion ratio is 10 ordinary shares per bond.

On 6 January 2017, 50% bonds were converted into ordinary shares.

(**) Details of bank loans as at 31 December 2016 are as follows:

Bank	Amount		Repayment schedule	Interest rate	Collateral
	Original currency	Equivalent to VND		per annum	
Short-term					
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam	40,000,000,000 VND	40,000,000,000	From 23 December 2016 to 24 April 2017	6.0% theo VND	Unsecured
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam	1,830,603 USD	41,728,594,473	From 28 September 2016 to 27 October 2017	1.7% theo USD	Unsecured
Vietnam Export Import Commercial Joint Stock Bank	150,000,000,000 VND	150,000,000,000	From 29 September 2016 to 7 January 2017	7.5% theo VND	Short-term deposit (Note 4(a))
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade	1,326,866 USD	30,245,905,455	From 4 November 2016 to 22 March 2017	1.6% theo USD	Unsecured
		261,974,499,928			
Long-term					
Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development	7,008,500 USD	159,758,757,500	From 18 July 2014 to 18 July 2021	Floating rate	Fleets (Note 10)
Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development	5,928,000 USD	135,128,760,000	From 18 December 2015 to 16 December 2021	Floating rate	Fleets (Note 10))
Oriental Commercial Joint Stock Bank	12,936.926 USD	294,897,228,170	From July 2016 to July 2023	Floating rate	Fleets (Note 10)
Oriental Commercial Joint Stock Bank	8,482,858 USD	193,366,748,110	From 12 September 2016 to 12 September 2023	Floating rate	Fleets (Note 10)
		783,151,493,780			

17 BONUS AND WELFARE FUND

		VND
	2016	2015
Opening balance	9,472,739,468	4,411,785,199
Used	(3,945,867,000)	(3,000,074,939)
Appropriation	7,589,612,030	8,061,029,208
Closing balance	13,116,484,498	9,472,739,468

18 OWNERS' CAPITAL

(a) Number of shares

	2016 Ordinary shares	2015 Ordinary shares
Number of shares registered	32,677,982	32,677,982
Number of shares issued	32,677,982	32,677,982
Number of shares repurchased	(2,389,675)	(2,389,675)
Number of existing shares in circulation	30,288,307	30,288,307

(b) Movement of share capital

	Number of share capital	Ordinary shares
As at 1 January 2015	31,217,982	312,179,820,000
Conversion of bonds to shares	1,460,000	14,600,000,000
As at 31 December 2015	32,677,982	326,779,820,000
New shares issued	-	-
As at 31 December 2016	32,677,982	326,779,820,000

Par value per share: VND10,000

The Company has no preference shares.

19 MOVEMENTS IN OWNERS' EQUITY

	Owners' capital	Share premium	Treasury shares	Investment and development fund	Undistributed earnings	Total
As at 1 January 2015	312,179,820,000	254,725,820,000	(5,172,851,000)	46,268,266,685	57,728,189,537	665,729,245,222
Converted bonds	14,600,000,000	-	-	-	-	14,600,000,000
Repurchase shares	-	-	(23,248,479,700)	-	-	(23,248,479,700)
Profit for the year	-	-	-	-	115,157,560,121	115,157,560,121
Appropriation to investment and development fund	-	-	-	9,212,604,810	(9,212,604,810)	-
Appropriation to bonus and welfare fund	-	-	-	-	(8,061,029,208)	(8,061,029,208)
Dividends declared	-	-	-	-	(31,438,026,000)	(31,438,026,000)
Allowance and bonus for the Board of Direc- tors and Board of Supervisor	-	-	-	-	(3,718,171,657)	(3,718,171,657)
As at 31 December 2015	326,779,820,000	254,725,820,000	(28,421,330,700)	55,480,871,495	120,455,917,983	729,021,098,778
Profit for the year	-	-	-	-	108,423,028,994	108,423,028,994
Dividends declared (Note 15) (*)	-	-	-	-	(30,288,307,000)	(30,288,307,000)
Appropriation to investment and development fund (*)	-	-	-	8,673,842,320	(8,673,842,320)	-
Appropriation to bonus and welfare fund (*) -	-	-	-	-	(7,589,612,030)	(7,589,612,030)
Allowance and bo- nus for the Board of Directors and Board of Supervi- sor (*)	-	-	-	-	(8,086,678,000)	(8,086,678,000)
Others	-	-	-	-	(884,914,971)	(884,914,971)
As at 31 December 2016	326,779,820,000	254,725,820,000	(28,421,330,700)	64,154,713,815	173,355,592,656	790,594,615,771

(*) According to the Decision of the Annual General Shareholders Meeting No. 02/2016/NQ-DHDCD dated 12 May 2016.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)

for the year ended 31 december 2016

Form B09-DN

20 OFF BALANCE SHEET ITEMS

Included in cash and cash equivalents is the balance held in foreign currency of US\$950,060 (as at 31 December 2015: US\$626,884).

21 REVENUE FROM RENDERING SERVICES

	VND	
	2016	2015
Revenue from rendering of shipping business and marine services	742,577,130,848	695,528,254,618

22 COST OF SERVICES RENDERED

	VND	
	2016	2015
Cost of shipping business and marine services rendered	543,320,251,453	475,374,459,501

23 FINANCIAL INCOME

	VND	
	2016	2015
Interest income	13,279,445,366	3,914,027,802
Realised foreign exchange gains	933,070,411	1,667,734,575
	14,212,515,777	5,581,762,377

24 FINANCIAL EXPENSES

	VND	
	2016	2015
Interest expenses	31,490,305,374	15,609,181,461
Realised foreign exchange losses	1,049,777,438	1,627,227,992
Provision for diminution in value of investments	102,039,272	446,853,546
Net loss from foreign currency translation at year-end	12,095,627,526	9,929,419,141
	44,737,749,610	27,612,682,140

25 SELLING EXPENSES

	VND	
	2016	2015
Commission fees	13,379,597,327	13,083,162,621

26 GENERAL AND ADMINISTRATION EXPENSES

	VND	
	2016	2015
Staff costs	21,579,533,252	21,485,265,041
External service expenses	11,308,736,566	6,342,485,972
Depreciation	805,476,247	1,008,830,877
Others	5,263,033,327	5,925,533,707
	38,956,779,392	34,762,115,597

27 NET OTHER INCOME

	VND	
	2016	2015
Other income		
Net gains from disposals of fixed assets	19,432,030,060	-
Others	225,777,960	2,598,417,746
	19,657,808,020	2,598,417,746
Other expenses	(287,454,733)	(1,248,303,215)
Others	19,370,353,287	1,350,114,531

28 BUSINESS INCOME TAXES

The tax on the Company's profit before tax differs from the theoretical amount that would arise using the applicable tax rate as follows:

	VND	
	2016	2015
Net accounting profit before tax	135,765,622,130	151,627,711,667
Tax calculated at a rate of 20% (2015: 22%)	27,153,124,426	33,358,096,567
Effect of:		
Expenses not deductible for tax purposes	408,576,467	868,694,179
Net gains from foreign currency translation not subject to business income tax	(219,107,757)	-
Additional provision in previous years	-	2,243,360,800
Business income tax charge	27,342,593,136	36,470,151,546
Charged to income statement:		
Business income tax – current	27,342,593,136	36,470,151,546
Business income tax – deferred	-	-
	27,342,593,136	36,470,151,546

The business income tax charge for the year is based on estimated taxable income and is subject to review and possible adjustments by the tax authorities.

29 EARNINGS PER SHARE

(a) Basic earnings per share

		VND
	2016	2015
Net profit after tax (VND)	108,423,028,994	115,157,560,121
Less amount allocated to bonus and welfare funds (VND)	(7,589,612,030)	(8,061,029,208)
Net profit attributable to shareholders (VND)	100,833,416,964	107,096,530,913
Weighted average number of ordinary shares after adjusted (shares)	30,288,307	31,425,330
Basic earnings per share (VND)	3,329	3,408

(b) Diluted earnings per share

		VND
	2016	2015
Net profit attributable to shareholders (VND)	100,833,416,964	107,096,530,913
Weighted average number of ordinary shares in issue (shares)	30,288,307	31,425,330
Number of ordinary shares from convertible bonds (shares)	20,000,000	-
Weighted average number of ordinary shares after adjusted (shares)	50,288,307	31,425,330
Diluted earnings per share (VND)	2,005	3,408

30 COST OF OPERATION BY FACTOR

		VND
	2016	2015
Raw materials	154,666,516,925	155,824,278,940
Staff costs	68,488,689,445	57,814,843,206
Depreciation	165,058,274,672	129,416,976,094
External service expenses	202,139,906,476	171,399,680,265
Others	5,303,240,654	8,062,855,827
	595,656,628,172	522,518,634,332

31 SEGMENT REPORTING

The principal activity of the Company is shipping business and marine services. Business risks and gross margin of the Company are not impacted by the difference in service which the Company provides or difference segment where the Company operates. As result of this, the Management determines the Company only has one business segment and geographical segment. According to this, the segment reporting is not presented.

32 RELATED PARTY DISCLOSURES

Remuneration to members of the Board of Directors and Management is:

		VND
	2016	2015
Gross salaries and other benefits	6,897,878,000	3,718,171,657

33 COMPARATIVE FIGURES

Certain comparative figures have been reclassified to conform to the presentation in the current year.

The financial statements were approved by the Management on 27 March 2017.



LE HAI ANH
Preparer



HO VAN THIEN
Chief Accountant



MAI VAN TUNG
General Director

27 March 2017





CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

[📍]: 159 Trường Văn Bang, P. Thanh Mỹ Lợi,
Quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

[☎]: (84-8) 6258 9922

[☎]: (84-8) 6258 9933

[✉]: aulac-asc@aulac.com.vn

[🌐]: www.aulac.com.vn